

Số: ~~475~~ /VEAM-VPĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- **Tên công ty:** TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP (VEAM)

- **Mã chứng khoán:** VEA

- **Trụ sở chính:** Lô D, Khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.62800802

Fax: 024.62800809

- **Người thực hiện công bố thông tin:** Lê Minh Quy - Phó Tổng giám đốc

Địa chỉ: Lô D, Khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.62800802

Fax: 024.62800809

- **Loại thông tin công bố:** 24h ☒ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ ☐

- **Nội dung thông tin công bố:** Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Tài liệu được công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM
<http://veamcorp.com/> (mục: Quan hệ cổ đông/Đại hội đồng cổ đông)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VPĐQT.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Người thực hiện công bố thông tin
(ký, ghi rõ họ tên)



Lê Minh Quy

Tài liệu đính kèm:

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

2014 OCT 10 10:00

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

Thời gian: từ 07 giờ 00 đến 12 giờ 00 ngày 29 tháng 6 năm 2020.

Địa điểm: Khách sạn InterContinental Hanoi Westlake, số 05 Từ Hoa, Tây Hồ, Hà Nội.

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
1	07h00-08h00	Đón tiếp đại biểu, cổ đông, nhận tài liệu	Lãnh đạo TCT, VP HĐQT, VPTH
2	08h00-08h10	- Chào cờ - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	MC
3	08h10-08h15	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	Trưởng Ban KTTC cổ đông
4	08h15-08h20	Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch	Chủ tịch HĐQT
5	08h20-08h30	Thông qua Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu và bầu cử, Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội	Chủ tịch HĐQT
6	08h30-08h35	Trình bày Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung: Điều lệ tổ chức và hoạt động của VEAM; Quy chế nội bộ về quản trị công ty	Chủ tịch HĐQT
7	08h35-08h55	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020	Tổng giám đốc
8	08h55-09h05	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của HĐQT	Chủ tịch HĐQT
9	09h05-09h15	Báo cáo của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên 2020	Trưởng Ban Kiểm soát
10	09h15-09h20	Trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán	Kế toán trưởng
11	09h20-09h25	Trình bày Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2019	Kế toán trưởng
12	09h25-09h30	Trình bày Tờ trình về việc quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và thông qua kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2020, Quỹ khen thưởng của HĐQT và Ban kiểm soát	Thành viên Đoàn Chủ tịch

13	09h30-09h35	Trình bày Tờ trình thông qua niêm yết cổ phiếu VEAM trên sàn chứng khoán	Thành viên Đoàn Chủ tịch
14	09h35-09h40	Trình bày Tờ trình thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020	Trưởng Ban Kiểm soát
15	09h40-10h10	Đại hội thảo luận	Đoàn Chủ tịch
16	10h10-10h30	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT: - Trình bày Tờ trình miễn nhiệm Thành viên HĐQT; - Đại hội biểu quyết việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT; - Ban kiểm phiếu và bầu cử công bố kết quả biểu quyết việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT.	Đoàn Chủ tịch, Ban Kiểm phiếu và bầu cử
17	10h30-11h00	Bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022: - Trình bày Tờ trình bầu bổ sung Thành viên HĐQT; - Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT; - Thông qua Danh sách ứng viên HĐQT.	Đoàn Chủ tịch
18	11h00-11h10	Hướng dẫn bầu cử và bỏ phiếu: - Hướng dẫn bầu cử; - Bỏ phiếu bầu bổ sung Thành viên HĐQT; - Bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội (sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ, các nội dung khác)	Ban Kiểm phiếu và bầu cử
19	11h10-11h30	Nghỉ giải lao	-
20	11h30-11h45	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung Đại hội (sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ; bầu bổ sung TV HĐQT; các nội dung khác)	Ban Kiểm phiếu và bầu cử
21	11h45-11h55	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Ban Thư ký
22	11h55-12h00	Tuyên bố bế mạc Đại hội	Chủ tịch HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Chuyền

Số: **461**/TB-HĐQT

Hà Nội, ngày **16** tháng 6 năm 2020

**THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự họp Đại hội cổ đông thường niên 2020, nội dung cụ thể như sau:

1. Thời gian: **07h00' ngày 29 tháng 6 năm 2020 (thứ Hai).**
 2. Địa điểm: Khách sạn InterContinental Hanoi Westlake
Số 05 Từ Hoa, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.
 3. Đối tượng dự họp: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần VEAM tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 11/6/2020. Trường hợp cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền để người khác họp thay (*theo mẫu Giấy ủy quyền đính kèm*).
 4. Chương trình Đại hội: Gửi kèm theo Thông báo mời họp này.
 5. Tài liệu phục vụ Đại hội: Các tài liệu phục vụ Đại hội, đề nghị Quý cổ đông tham khảo tại địa chỉ: <http://www.veamcorp.com> (mục: quan hệ cổ đông/đại hội đồng cổ đông).
 6. Đăng ký góp ý kiến và đặt câu hỏi:
 - Đề nghị Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền gửi nội dung góp ý hoặc các câu hỏi (nếu có) về Ban Tổ chức Đại hội **trước 17h00' ngày 25/6/2020**;
 - Chi tiết xin liên hệ bà Nguyễn Thị Thanh Tú, Chuyên viên Văn phòng HĐQT. Điện thoại: (84-24) 62800802 số máy lẻ (217); fax: (84-24) 62800809; Email: nguyenthithanhtu@veamcorp.com.
- Khi đến dự họp, Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo: **Thông báo mời họp** (nếu có), **Bản chính CMND/CCCD và Giấy ủy quyền** (nếu là người được ủy quyền họp lệ)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Chuyện



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2020

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Tên tôi là:.....

Đại diện theo Pháp luật của Công ty (nếu là tổ chức):.....

Số CMND/CCCD/ĐKKD:.....; Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....; Số điện thoại:.....

Địa chỉ:.....

Tổng số cổ phần sở hữu:.....cổ phần (Bằng chữ:.....

.....cổ phần)

Nay Tôi ủy quyền cho Ông (Bà):.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....; Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....; Số điện thoại:.....

Địa chỉ:.....

Hoặc ủy quyền cho Người có tên dưới đây (Cổ đông tích dấu X vào 01 người mà cổ đông muốn ủy quyền)

STT	Họ tên	Chức vụ	Ủy quyền
1	Ông Bùi Quang Chuyện	Chủ tịch HĐQT VEAM	☐
2	Ông Ngô Văn Tuyển	Thành viên HĐQT VEAM	☐
3	Ông Lê Hữu Phúc	Thành viên HĐQT VEAM	☐

Số cổ phần ủy quyền:.....cổ phần (Bằng chữ:.....

.....cổ phần).

Người được Tôi/Công ty ủy quyền sẽ thay Tôi/Công ty tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) tổ chức vào ngày **29/6/2020** và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của VEAM.

Tôi/Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết không khiếu nại về kết quả biểu quyết của người được Tôi/Công ty ủy quyền trên đây./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN THEO NHÓM

**THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Hôm nay, ngày....., tại

Chúng tôi là những cổ đông của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) có tên trong danh sách được gửi kèm theo Giấy ủy quyền này, cùng nhất trí ủy quyền cho Ông (Bà):.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Điện thoại:.....

Hoặc ủy quyền cho Người có tên dưới đây (Cổ đông tích dấu X vào 01 người mà cổ đông muốn ủy quyền):

STT	Họ tên	Chức vụ	Ủy quyền
1	Ông Bùi Quang Chuyện	Chủ tịch HĐQT VEAM	☐
2	Ông Ngô Văn Tuyển	Thành viên HĐQT VEAM	☐
3	Ông Lê Hữu Phúc	Thành viên HĐQT VEAM	☐

Người được Chúng tôi ủy quyền sẽ thay chúng tôi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP tổ chức vào ngày **29/6/2020** và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của VEAM.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết không khiếu nại về kết quả biểu quyết của người được chúng tôi ủy quyền trên đây./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

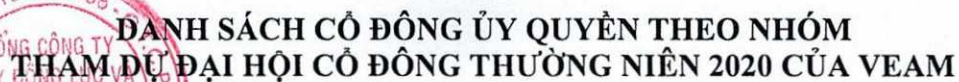
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Đã ký tên trong danh sách kèm theo)

.....

.....



(Ký và ghi rõ họ tên)

STT	Họ tên	Số CMND CCCD/ĐKKD	Địa chỉ thường trú	Số cổ phần sở hữu	Người ủy quyền ký tên
	Tổng cộng				

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM).

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia cuộc họp, điều kiện, thể thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 2. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

a) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp (nếu có);
- Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;
- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền họp lệ tham dự cuộc họp).

b) Đăng ký tham dự họp: Cổ đông hoặc người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu Đại hội, 01 Thẻ biểu quyết màu hồng, 01 Phiếu biểu quyết màu trắng và 01 phiếu bầu HĐQT.

c) Được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mình tham dự và biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự phiên họp không được ủy quyền cho người khác tham dự phiên họp.

d) Cổ đông tham dự phiên họp khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tịch đoàn, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình cuộc họp đã được thông qua. Trong thời gian thảo luận, Cổ đông đăng ký thảo luận thông qua Phiếu đăng ký thảo luận do Ban tổ chức cấp.

e) Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp.

f) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

g) Trong thời gian tiến hành cuộc họp, các cổ đông phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 3. Đoàn chủ tịch

1. Đoàn chủ tịch gồm Chủ tọa (là Chủ tịch Hội đồng quản trị) và các thành viên do Chủ tọa giới thiệu để giúp việc cho Chủ tọa. Đoàn Chủ tịch điều hành Đại hội và làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch:

a) Điều hành các hoạt động của cuộc họp theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b) Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

c) Điều hành Đại hội thảo luận.

d) Trả lời hoặc chỉ định người trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu nằm trong chương trình Đại hội.

e) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông do VEAM quyết định thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp; Phát tài liệu đại hội và Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, báo cáo trước cuộc họp và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp trước khi cuộc họp chính thức được tiến hành.

Điều 5. Ban Thư ký

1. Ban thư ký do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.

b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

Điều 6. Ban Kiểm phiếu và bầu cử

1. Ban Kiểm phiếu và bầu cử do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

2. Ban kiểm phiếu và bầu cử có nhiệm vụ:

a) Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự họp;

b) Tổng hợp số cổ phần biểu quyết (bao gồm cả trực tiếp và trực tuyến) theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban thư ký;

c) Thực hiện các việc khác của Ban kiểm phiếu và bầu cử tại Đại hội.

Chương III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành phiên họp

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông.

Điều 8. Biểu quyết tại phiên họp

1. Nguyên tắc biểu quyết: Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện hoặc bằng.

2. Thẻ lệ biểu quyết:

a) **Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết** được thực hiện đối với các nội dung:

- Thông qua chương trình nghị sự;
- Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội;
- Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch; Thư ký đại hội; Ban Kiểm phiếu và bầu cử;

- Thông qua các nội dung khác theo diễn biến thực tế;

- Thông qua Biên bản, Nghị quyết đại hội và các vấn đề khác được Chủ tọa đề nghị.

10382
CÔNG
LƯC
ÔNG NG
T NAI
CTCP
PHỐ H

Các cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến: đồng ý hay không đồng ý). Biểu quyết được tiến hành bằng cách Chủ tọa hỏi ý kiến Đồng ý trước, sau đó đến ý kiến Không đồng ý. Kết quả kiểm phiếu sẽ được công bố ngay tại Đại hội.

b) Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết được sử dụng khi các cổ đông biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội ngoài các nội dung đã được Đại hội biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết. Cổ đông thực hiện biểu quyết như sau:

Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để **Tán thành**, hoặc **Không tán thành**, hoặc **Ý kiến khác** một vấn đề bằng cách cổ đông đánh dấu “X” vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết theo trình tự: “Tán thành”, “Không tán thành” và “Ý kiến khác”. Sau khi biểu quyết hết các nội dung, cổ đông biểu quyết ký tên vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu, Ban kiểm phiếu thu hồi Phiếu biểu quyết của cổ đông để thống kê kết quả.

- Trường hợp thay đổi ý kiến, cổ đông ký nháy bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ là các phiếu:

+ Phiếu biểu quyết không do Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP phát hành và không có dấu của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP;

+ Phiếu để trống mọi ô vuông lấy ý kiến;

+ Phiếu không có chữ ký của Cổ đông;

+ Phiếu bị rách, không còn nguyên vẹn hoặc không còn đủ các thông tin phục vụ cho việc kiểm phiếu.

+ Trường hợp Phiếu biểu quyết trong đó có một hoặc một số có nội dung biểu quyết bị sửa chữa, gạch xóa hoặc điền vào nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến mà không có chữ ký nháy của cổ đông bên cạnh ô vuông được đánh dấu thì chỉ nội dung biểu quyết đó được coi là không hợp lệ.

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

c) Bầu bổ sung thành viên HĐQT: sử dụng phiếu bầu HĐQT để thực hiện bầu bổ sung thành viên HĐQT theo Quy chế bầu cử tại ĐHĐCĐ.

3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP, các vấn đề biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020 sẽ được thông qua theo qui định tại Điều 21 Điều lệ Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam.

Điều 9. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định và lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Quy chế này gồm 10 điều được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông và là cơ sở để Đại hội đồng cổ đông tiến hành Đại hội./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ ;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Quang Chuyên



Số: 466/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty
Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Tổng công ty
Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các
hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ
hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính
hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của
Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và
Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày
29/6/2018,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa
đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và
Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP, Điều lệ này là cơ sở pháp lý để điều hành
hoạt động Tổng công ty tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật
Chứng khoán và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và Máy
nông nghiệp Việt Nam - CTCP đã được Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung phù
hợp với tình hình thực tế hoạt động của Tổng công ty (*Dự thảo Điều lệ đính kèm*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Chuyện



ĐỰ THẢO

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 29 tháng 6 năm 2020.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "*Tổng công ty*" hoặc "*VEAM*" là Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

b) "*Công ty mẹ*" là VEAM trong quan hệ công ty mẹ - công ty con, khi VEAM đầu tư vốn tại các công ty con.

c) "*Công ty con*" là các công ty được tổ chức dưới hình thức công ty TNHH một thành viên và viện nghiên cứu do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoặc công ty cổ phần mà Công ty mẹ nắm quyền chi phối hoặc các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

d) "*Đơn vị trực thuộc*" là các Nhà máy, Chi nhánh, Ban quản lý thuộc Công ty mẹ.

e) "*Vốn điều lệ*" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

f) "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc Hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các Luật sửa đổi, bổ sung (nếu có) Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

g) "*Luật Chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc Hội ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.

h) "*Ngày thành lập*" là ngày 24 tháng 01 năm 2017, ngày VEAM được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

i) "*Người điều hành doanh nghiệp*" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ VEAM.

j) "*Người có liên quan*" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

k) "*Cổ đông lớn*" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán.

l) "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian hoạt động của VEAM được quy định tại Điều 2 Điều lệ này.

m) "*Việt Nam*" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

n) "*Người quản lý doanh nghiệp*" bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng VEAM.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của VEAM

1. Tên doanh nghiệp:

- Tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

- Tiếng Anh: VIETNAM ENGINE AND AGRICULTURAL MACHINERY CORPORATION

- Tên viết tắt: VEAM

- Biểu tượng:



Logo là hình elíp, nền màu xanh, ở giữa có chữ VEAM màu đỏ, in hoa

2. VEAM là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của VEAM:

- Địa chỉ: Lô D, Khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

- Điện thoại: (84) 024.62800802

- Fax: (84) 024.62800809

- E-mail: office@veamcorp.com

- Website: www.veamcorp.com

4. VEAM có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của VEAM phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của VEAM bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của VEAM

1. VEAM có một người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo quy định của pháp luật.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VEAM

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của VEAM

1. Ngành, nghề kinh doanh của VEAM:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
2	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
3	Sản xuất xe có động cơ	2910
4	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
5	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
6	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
7	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
8	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
9	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
10	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
11	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
12	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
13	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
14	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
15	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
16	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
17	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy; Bán lẻ mô tô, xe máy; Đại lý mô tô, xe máy	4541
18	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
19	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543

STT	Tên ngành	Mã ngành
20	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
21	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
22	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
23	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
24	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
25	Sản xuất máy luyện kim	2823
26	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
27	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
28	Đúc sắt, thép	2431
29	Đúc kim loại màu	2432
30	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
31	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
32	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
33	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
34	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
35	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
36	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
37	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
38	Sửa chữa thiết bị điện	3314
39	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
40	Sửa chữa thiết bị khác	3319
41	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
42	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
43	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
44	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
45	Xây dựng nhà các loại	4100
46	Lắp đặt hệ thống điện	4321
47	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
48	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
49	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

STT	Tên ngành	Mã ngành
50	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
51	Khai thác quặng sắt	0710
52	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
53	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
54	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác	4662
55	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
56	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
57	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
58	Dịch vụ ăn uống khác	5629
59	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
60	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
61	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: kinh doanh bất động sản	6810
62	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: tư vấn bất động sản	6820
63	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng đã được đăng ký trong nội dung đăng ký kinh doanh của VEAM	8299
64	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ điện công trình dân dụng, công nghiệp - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp	7110
65	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất gạch không nung từ nguyên liệu cát đá xi măng	2395

STT	Tên ngành	Mã ngành
66	(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

2. Mục tiêu sản xuất, kinh doanh của VEAM

a) Gia tăng giá trị cho vốn góp của cổ đông, mang lại lợi ích cho người lao động, cộng đồng; nâng cao giá trị cuộc sống; góp phần phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

b) Xây dựng VEAM trở thành một doanh nghiệp lớn mạnh của Việt Nam, lấy sản xuất, kinh doanh máy động lực, máy nông nghiệp, ô tô, xe máy, công nghiệp hỗ trợ làm trụ cột chính; Giữ vững và duy trì vị thế là doanh nghiệp lớn trên thị trường Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh máy động lực, máy nông nghiệp;

c) Nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; tăng trưởng doanh thu, giảm chi phí và có lợi nhuận ngày càng cao trên cơ sở đổi mới tổ chức, phương thức kinh doanh, cơ chế quản lý và điều hành, nâng cao năng lực kỹ thuật, công nghệ, nguồn nhân lực, tổ chức hợp lý và quản lý tốt quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển bền vững, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh, tối đa hóa giá trị lợi ích cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của VEAM

1. VEAM được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của VEAM đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của VEAM.

2. VEAM có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của VEAM là 13.288.000.000.000 đồng (bằng chữ: mười ba nghìn, hai trăm tám mươi tám tỷ đồng Việt Nam).

Tổng số vốn điều lệ của VEAM được chia thành 1.328.800.000 (một tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, tám trăm ngàn) cổ phần, với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.

2. VEAM có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của VEAM vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi cho người lao động khi cổ phần hoá. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. VEAM có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong VEAM, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của VEAM quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. VEAM có thể mua cổ phần do chính VEAM đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do VEAM mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. VEAM có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của VEAM được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do VEAM phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của VEAM hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của VEAM, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho VEAM chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với

điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho VEAM.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của VEAM được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của VEAM.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho VEAM.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi phát sinh theo tỷ lệ tương đương với lãi suất của ngân hàng thương mại vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của VEAM gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu VEAM, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của VEAM trong phạm vi số vốn đã góp vào VEAM.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành (trừ cổ phiếu ưu đãi);

d) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h) Trường hợp VEAM giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại VEAM sau khi VEAM đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của VEAM theo quy định của pháp luật;

i) Yêu cầu VEAM mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;

j) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VEAM khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VEAM; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ VEAM và các quy chế nội bộ của VEAM; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh VEAM dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với VEAM.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của VEAM. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của VEAM có các khoản ngoại trừ trọng yếu, VEAM có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VEAM;

b) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được VEAM hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b) Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của VEAM.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ VEAM;
- h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi VEAM;
- j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) VEAM và chỉ định người thanh lý;
- k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho VEAM và cổ đông;
- l) Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của VEAM được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- m) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- n) VEAM ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của VEAM được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- o) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của VEAM và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với VEAM).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp VEAM nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của VEAM không bị thay đổi khi VEAM phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. VEAM có thể ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến bao gồm không giới hạn ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động từ triệu tập họp đến biểu quyết thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày làm việc trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

4. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của VEAM. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến VEAM ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, VEAM phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, VEAM cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, VEAM tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Thông qua báo cáo tài chính năm;

b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của VEAM;

c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản VEAM hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của VEAM tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở

lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VEAM.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về VEAM phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của VEAM.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về VEAM theo các hình thức sau:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về VEAM phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về VEAM qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến VEAM nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của VEAM, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của VEAM trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VEAM.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VEAM.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu

Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 của Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ VEAM.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của VEAM để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới VEAM (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới

30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được VEAM quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị VEAM. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Có đơn từ chức và được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền;

c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho VEAM với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của VEAM.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của VEAM phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ

quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VEAM không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ VEAM và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của VEAM;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác;

e) Giải quyết các khiếu nại của VEAM đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của VEAM để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f) Quyết định cơ cấu tổ chức của VEAM, việc thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể VEAM;

h) Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị VEAM (sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua) và các quy chế quản lý nội bộ khác;

i) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị VEAM lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

p) Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của VEAM;

b) Thành lập các Công ty con của VEAM;

c) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của VEAM;

d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được VEAM ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của VEAM;

e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của VEAM;

f) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h) Việc định giá tài sản góp vào VEAM không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của VEAM, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của VEAM;

k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của VEAM bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho VEAM.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ VEAM, công ty con, công ty liên kết của VEAM và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong

Báo cáo thường niên của VEAM. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của VEAM.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của VEAM, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a) Ban kiểm soát;
- b) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e) Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VEAM; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của VEAM, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình VEAM.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của VEAM hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại VEAM.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của VEAM. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với VEAM và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản

thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với VEAM, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ VEAM.

Điều 32. Người phụ trách quản trị VEAM

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị VEAM để hỗ trợ hoạt động quản trị VEAM được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị VEAM do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị VEAM phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VEAM;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị VEAM khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị VEAM tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị VEAM có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa VEAM và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của VEAM;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM.

Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của VEAM phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của VEAM. VEAM có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, VEAM được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của VEAM do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng hỗ trợ VEAM đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của VEAM.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của VEAM đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt VEAM ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của VEAM theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VEAM;

d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của VEAM;

e) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà VEAM cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g) Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của VEAM (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của VEAM theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo

lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của VEAM;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của VEAM, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với VEAM.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Chương IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ VEAM và Quy chế nội bộ về quản trị VEAM. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của VEAM là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VEAM và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của VEAM;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VEAM trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại VEAM. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của VEAM;

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c) Giám sát tình hình tài chính VEAM, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

d) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ VEAM của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của VEAM theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị VEAM phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ

đồng và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của VEAM.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho VEAM vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của VEAM mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, VEAM không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp VEAM và tổ chức có liên quan tới thành viên này là thuộc nhóm Công ty mẹ - công ty con của VEAM.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa VEAM với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của VEAM vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của VEAM hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. VEAM bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VEAM là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được VEAM ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VEAM với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của VEAM với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của VEAM, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của VEAM, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của VEAM được VEAM bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do VEAM là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của VEAM;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. VEAM có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VEAM

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của VEAM. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của VEAM, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của VEAM vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. VEAM phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ VEAM phải được công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM.

Chương XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của VEAM với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của VEAM và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của VEAM.

2. VEAM không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, VEAM phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp VEAM đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, VEAM không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền VEAM đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. VEAM mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, VEAM có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. VEAM tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà VEAM mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của VEAM bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán VEAM sử dụng là Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. VEAM lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của VEAM.

3. VEAM sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp VEAM có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. VEAM phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn một trăm hai mươi (120) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, VEAM phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có

thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp VEAM đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của VEAM trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của VEAM tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. VEAM phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của VEAM và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

VEAM phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI KIỂM TOÁN

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của VEAM cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. VEAM phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng bảy mươi lăm (75) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của VEAM.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán VEAM được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ

đồng được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của VEAM.

Chương XVII CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của VEAM và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ VEAM.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. VEAM có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể VEAM trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 53. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể VEAM, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của VEAM hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được VEAM ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của VEAM.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt VEAM trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý VEAM trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của VEAM;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của VEAM, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ VEAM, các quy định giữa:

- a) Cổ đông với VEAM;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Điều lệ VEAM

- 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- 2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của VEAM chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều

lệ này, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của VEAM.

Chương XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 56 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP nhất trí thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2018 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực.

3. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a) Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- b) Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
- c) Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của VEAM.

4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của VEAM.

5. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của VEAM. Các cổ đông, cá nhân liên quan, các đơn vị trực thuộc VEAM có trách nhiệm tuân thủ và thi hành Điều lệ này.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ VEAM phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bùi Quang Chuyện

Số: 467/TTTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế Nội bộ về quản trị công ty của VEAM

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Tổng công ty
Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các
hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ
hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính
hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của
Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và
Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM),

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội
bộ về quản trị công ty của VEAM nhằm nâng cao năng lực quản trị Tổng công
ty, là cơ sở pháp lý để điều hành hoạt động Tổng công ty tuân thủ các quy định
của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VEAM đã được Hội đồng quản trị
sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Tổng công ty (*Dự
thảo Quy chế đính kèm*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Chuyền



DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA VEAM**

(Ban hành theo Nghị quyết số /NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2020)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định các nội dung quản trị VEAM liên quan đến yêu cầu của pháp luật về quản trị công ty đại chúng. Quy chế được HĐQT xây dựng và được ĐHĐCĐ thông qua.

2. Quy chế này áp dụng đối với:

- a) Các cổ đông;
- b) HĐQT, Ban kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *VEAM* hoặc *Tổng Công ty* là Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP.

2. *ĐHĐCĐ* là Đại hội đồng cổ đông VEAM.

3. *ĐHĐCĐ trực tuyến* là Đại hội đồng cổ đông VEAM sử dụng hệ thống thiết bị điện tử bao gồm cả phần cứng và phần mềm cho phép người sử dụng từ nhiều điểm cầu khác nhau có thể thực hiện bỏ phiếu biểu quyết và/hoặc trao đổi thông tin, hình ảnh, âm thanh đa chiều tùy theo phạm vi và hình thức do Hội đồng Quản trị VEAM quyết định.

4. *HĐQT* là Hội đồng quản trị VEAM.

5. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.

6. *Người quản lý* là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

7. *Người điều hành* là Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác bao gồm trưởng, phó các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ và tương đương.

8. *Người phụ trách quản trị công ty* là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

9. *Quy chế công bố thông tin của VEAM* là Quy chế do HĐQT ban hành nhằm tuân thủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin đối với công ty



đại chúng. Trường hợp có các quy định của pháp luật yêu cầu về công bố thông tin mà Quy chế công bố thông tin chưa được bổ sung, cập nhật, sửa đổi đầy đủ, thì phải tuân thủ theo yêu cầu của pháp luật. Quy chế công bố thông tin của VEAM được công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM.

10. *Công bố thông tin* là việc công bố thông tin theo quy định của Quy chế công bố thông tin của VEAM. Trường hợp trong quy chế này quy định công bố thông tin mà không nói rõ theo Quy chế công bố thông tin của VEAM thì được hiểu là công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM.

11. *Luật Doanh nghiệp* là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

12. *Luật Chứng khoán* là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 đã được sửa đổi theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của HĐQT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ được công bố tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng trên trang thông tin điện tử của VEAM.

2. Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải được gửi cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), Sở giao dịch chứng khoán, báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.

3. Danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn năm (05) ngày làm việc trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

Điều 4. Thông báo tổ chức hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp/trực tuyến

HQĐT VEAM quyết định hình thức họp ĐHĐCĐ trực tiếp/trực tuyến, lựa chọn hệ thống giải pháp công nghệ phục vụ ĐHĐCĐ trực tuyến, phù hợp với quy mô cổ đông của VEAM, tình hình xã hội tại thời điểm tổ chức họp ĐHĐCĐ và phải đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích của cổ đông dự họp. Thông báo được công bố chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của VEAM.

Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi bằng phương thức bảo đảm cho tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được

gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến, thông báo họp phải kèm thông tin hướng dẫn cụ thể liên quan tới sử dụng hệ thống thiết bị, giải pháp công nghệ phục vụ tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến.

2. Công bố thông tin họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo Quy chế công bố thông tin của VEAM.

3. Chương trình và các tài liệu chuẩn bị cho họp ĐHĐCĐ được thông tin cho các cổ đông bằng hình thức đăng trên trang thông tin điện tử của VEAM, hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến (nếu thực hiện) và được cập nhật sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc ĐHĐCĐ, gồm:

a) Chương trình họp, tài liệu liên quan đến các vấn đề thảo luận và xin ý kiến biểu quyết của ĐHĐCĐ;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Mẫu/phương thức (đối với ĐHĐCĐ trực tuyến) chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo mời họp, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, qua hệ thống điện tử được hướng dẫn đối với trường hợp ĐHĐCĐ tổ chức trực tuyến, gửi thư xác nhận cho VEAM trước thời hạn ghi trong thư mời ĐHĐCĐ.

2. Cổ đông thực hiện việc ủy quyền bằng văn bản cho người được ủy quyền theo mẫu được gửi kèm tài liệu họp ĐHĐCĐ hoặc thực hiện ủy quyền điện tử theo hướng dẫn đối với trường hợp ĐHĐCĐ trực tuyến. Cổ đông có thể gửi trước thông tin về việc ủy quyền cho Ban tổ chức đại hội trước ngày khai mạc.

3. Khi tham dự cuộc họp, cổ đông hoặc người được ủy quyền:

a) Đối với trường hợp dự họp ĐHĐCĐ tại địa điểm họp phải xuất trình các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp;

- Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;

- Bản chính giấy ủy quyền theo mẫu của VEAM (đối với trường hợp người được ủy quyền dự họp). Việc ủy quyền cho người đại diện họp ĐHĐCĐ phải thực hiện theo Điều 16 Điều lệ VEAM.

b) Đối với trường hợp dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến: kiểm tra tư cách Cổ đông trên hệ thống trực tuyến sử dụng các phương thức định danh điện tử đảm bảo tính bảo mật và khả năng xác thực định danh của cổ đông/đại diện được ủy quyền.

4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết được cấp các tài liệu sau:

a) Tài liệu hợp;

b) Một thẻ biểu quyết có đóng dấu VEAM. Trên thẻ biểu quyết ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông. Thẻ biểu quyết được cổ đông sử dụng để biểu quyết những nội dung cần thông qua ngay tại Đại hội theo hình thức giờ thẻ.

c) Phiếu biểu quyết có đóng dấu VEAM. Trên phiếu biểu quyết ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện được ủy quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông. Phiếu biểu quyết được cổ đông sử dụng để biểu quyết những nội dung cần thông qua bằng hình thức bỏ phiếu. Số lượng phiếu biểu quyết tùy thuộc vào các nội dung cần biểu quyết, có thể tích hợp thành một hoặc nhiều phiếu biểu quyết.

d) Phiếu bầu cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát có đóng dấu VEAM trong trường hợp ĐHĐCĐ có bầu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.

5. Đối với ĐHĐCĐ trực tuyến, khi tiến hành đăng ký cổ đông, các tài liệu như quy định tại điểm 4 Điều này được cung cấp và thực hiện theo hình thức và phương thức điện tử đảm bảo tính bảo mật và khả năng xác thực định danh của cổ đông/đại diện được ủy quyền; đảm bảo khả năng tham gia biểu quyết trực tuyến.

Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Cách thức bỏ phiếu:

Trừ khi ĐHĐCĐ quyết định sử dụng công cụ điện tử trong việc biểu quyết và điều kiện kỹ thuật cho phép, còn không việc bỏ phiếu thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử vào thùng phiếu. Đối với hình thức ĐHĐCĐ trực tuyến, biểu quyết trực tuyến, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử được thể hiện dưới dạng điện tử đảm bảo tính bảo mật và khả năng xác thực định danh của cổ đông/đại diện được ủy quyền; đảm bảo khả năng thống kê, kiểm phiếu được thuận tiện và chính xác; đảm bảo khả năng lưu trữ kết quả và hậu kiểm khi cần thiết.

2. Kiểm phiếu:

a) Ban kiểm phiếu do Đại hội bầu chịu trách nhiệm về việc kiểm phiếu. Ban tổ chức đại hội chuẩn bị bộ phận giúp việc với các công cụ hỗ trợ trong đó có hỗ trợ kiểm phiếu điện tử sử dụng mã vạch, hệ thống biểu quyết trực tuyến để việc kiểm phiếu được thuận tiện chính xác.

b) Nếu nội dung cần biểu quyết được tách riêng rẽ, thì các phiếu biểu quyết được tập hợp riêng trước khi tiến hành kiểm phiếu theo từng ý kiến biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “ý kiến khác”. Các phiếu trắng/không hợp lệ sẽ được cộng vào “ý kiến khác” khi kiểm phiếu.

c) Đại hội có thể bầu nhân sự giám sát quá trình kiểm phiếu.

d) Kết quả kiểm phiếu có tất cả chữ kí/chữ ký điện tử trong hệ thống biểu quyết trực tuyến xác nhận của các thành viên ban kiểm phiếu.

3. Thông báo kết quả kiểm phiếu

a) Trường ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu trước đại hội sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.

b) Biên bản kiểm phiếu được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của VEAM trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 8. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định của ĐHĐCĐ có thể gửi văn bản, ghi rõ họ tên, mã số dự đại hội, nội dung, lý do phản đối. Thư kí đại hội chịu trách nhiệm tập hợp và ghi nhận các văn bản phản đối.

2. Cổ đông phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại VEAM hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ VEAM, có quyền yêu cầu VEAM mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VEAM trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

Điều 9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký/Chữ ký điện tử của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập thêm tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký/chữ ký điện tử của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ dưới dạng bản cứng/bản mềm tại trụ sở chính của VEAM.

7. Biên bản họp ĐHĐCĐ được công bố thông tin theo quy định tại Quy chế công bố thông tin VEAM.

Điều 10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin theo quy định tại Quy chế công bố thông tin VEAM.

Điều 11. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Thâm quyền, thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ VEAM.

2. HĐQT thành lập Ban kiểm phiếu. Chủ tịch HĐQT giữ vai trò trưởng ban kiểm phiếu, các thành viên khác của Ban kiểm phiếu có thể là thành viên độc lập HĐQT, thành viên HĐQT khác và thành viên thư ký thuộc Văn phòng HĐQT. Việc kiểm phiếu được thực hiện dưới sự giám sát của đại diện Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành VEAM.

3. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Biên bản kiểm phiếu được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của VEAM trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc lập biên bản kiểm phiếu.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VEAM.

6. Trường hợp nghị quyết về giải thể công ty thì không thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản.

Chương III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý và không nhất thiết là cổ đông của VEAM;

3. Thành viên HĐQT VEAM có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác, nhưng không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá năm (05) công ty khác kể từ ngày 01/8/2019;

4. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT là người đại diện phần vốn của Nhà nước tại VEAM còn phải đáp ứng các điều kiện quy định của pháp luật về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ).

5. Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không phải là người đang làm việc cho VEAM, công ty con của VEAM hoặc đã từng làm việc cho VEAM, công ty con của VEAM ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ VEAM, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của VEAM; là người quản lý của VEAM hoặc công ty con của VEAM;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của VEAM;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của VEAM ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó.

Điều 13. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số lượng cổ phiếu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông) thỏa mãn khoản 2 Điều 25 Điều lệ VEAM thực hiện ứng cử, đề cử ứng viên như sau:

a) Hồ sơ ứng viên:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- Trình độ học vấn;

- Trình độ chuyên môn;

- Quá trình công tác;

- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;

- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên đối với VEAM trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT;

- Các lợi ích có liên quan tới VEAM (nếu có);

- Văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT;

- Đối với nhóm cổ đông phải có danh sách đầy đủ của nhóm cổ đông đề cử; bằng chứng về việc nắm giữ cổ phiếu đủ và liên tục sáu (06) tháng; văn bản thỏa thuận của nhóm cổ đông về việc đề cử thành viên HĐQT.

b) Hồ sơ được gửi đến Văn phòng HĐQT hoặc Tiểu ban nhân sự (nếu có) của HĐQT.

2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM trước ngày họp ĐHCĐ.

Điều 14. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp căn cứ số lượng thành viên độc lập HĐQT và thành viên không độc lập HĐQT cần bầu.

3. Trong trường hợp phải chọn lựa giữa hai hoặc nhiều hơn ứng viên không độc lập HĐQT có số phiếu bầu ngang nhau thì thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Nếu ứng viên là cổ đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều hơn cổ phần sẽ ưu tiên được chọn;

b) Nếu ứng viên không là cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm;

c) Nếu tất cả các tiêu chí chọn lựa ở điểm a và điểm b khoản này là giống nhau thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 15. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. HĐQT họp xem xét và ra nghị quyết miễn nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

b) Có đơn từ chức và được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền;

- c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d) Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e) Cung cấp thông tin cá nhân sai với tư cách là ứng viên HĐQT;
- f) Bị pháp luật truy tố.

2. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHCĐ.

Điều 16. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được thực hiện trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua kết quả bầu cử, hoặc có nghị quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.
2. Việc cung cấp thông tin về thành viên HĐQT mới theo quy định đối với người nội bộ tại Quy chế công bố thông tin VEAM được thực hiện theo Quy chế công bố thông tin VEAM.

Điều 17. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, thì HĐQT đương nhiệm sẽ đề cử thêm đủ số lượng. Nếu HĐQT không đề cử đủ số lượng, thì các cổ đông khác có quyền đề cử bổ sung.
2. Chủ tọa đại hội báo cáo xin ý kiến ĐHCĐ thông qua thủ tục HĐQT và/hoặc các cổ đông khác giới thiệu thêm ứng viên trước khi tiến hành đề cử.

Chương IV TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư điện tử tới từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên theo địa chỉ được đăng ký tại VEAM. Trường hợp thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên có yêu cầu nhận thông báo bằng hình thức khác thì sẽ thực hiện bằng hình thức thư bảo đảm hoặc fax.
3. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

4. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Văn bản có thể bằng thư điện tử, thư bảo đảm hoặc fax.

Điều 19. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT tham gia trực tiếp hoặc tham gia trực tuyến nếu điều kiện trang bị điện tử đảm bảo chất lượng cuộc họp như tham dự họp trực tiếp.

2. Trường hợp không đủ số thành viên HĐQT tham dự theo quy định, cuộc họp HĐQT lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một phần hai (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

3. Thành viên HĐQT có thể tham gia họp thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Điều 20. Cách thức biểu quyết

1. Việc biểu quyết trong cuộc họp HĐQT được thực hiện theo quy định tại khoản 11 và khoản 12 Điều 30 Điều lệ VEAM.

2. Trong các cuộc họp trực tiếp, qua điện thoại, các thành viên HĐQT biểu quyết bằng miệng hoặc giơ tay đối với mỗi vấn đề sau khi được Chủ tọa nêu vấn đề và kết thúc phần thảo luận. Các lựa chọn biểu quyết có thể là một trong các phương án “đồng ý /phản đối /không có ý kiến”.

3. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

Điều 21. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 22. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Nội dung của biên bản họp HĐQT được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật doanh nghiệp.

2. Diễn tiến cuộc họp được ghi chép trung thực ngay trong cuộc họp có thể bằng tốc kí, đánh trên máy tính, bằng ghi âm, ghi hình. Biên bản cuộc họp chính thức được hoàn thành sau khi kết thúc cuộc họp.

3. Trường hợp có thành viên HĐQT là người nước ngoài, thì biên bản được lập thêm bản tiếng Anh. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá

trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì biên bản được lập bằng tiếng Việt được coi là bản gốc.

4. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Biên bản được gửi cho tất cả các thành viên HĐQT trong vòng ba (3) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Các ý kiến phản đối về nội dung biên bản phải được phản hồi trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

5. Biên bản phải được lưu giữ tại trụ sở chính VEAM trong thời gian ít nhất 10 năm.

Điều 23. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Căn cứ các nội dung, quyết định được thông qua, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản nghị quyết của HĐQT.

2. Các nghị quyết được thông tin đến tất cả các thành viên HĐQT.

3. Các nội dung nghị quyết thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được công bố thông tin theo quy định tại Quy chế công bố thông tin của VEAM.

Chương V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÁI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 24. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 37 Điều lệ VEAM.

Điều 25. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ VEAM.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, thì Ban kiểm soát đương nhiệm sẽ đề cử thêm đủ số lượng. Nếu Ban kiểm soát không đề cử đủ số lượng, thì các cổ đông khác có quyền đề cử bổ sung. Chủ tọa đại hội báo cáo xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua thủ tục Ban kiểm soát và/hoặc các cổ đông khác giới thiệu thêm ứng viên trước khi tiến hành đề cử.

Điều 26. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho

đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ VEAM. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 27. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 37 Điều lệ VEAM.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 37 Điều lệ VEAM.

Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua kết quả bầu cử, hoặc có nghị quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

2. Việc cung cấp thông tin về thành viên Ban kiểm soát mới theo quy định đối với người nội bộ tại Quy chế công bố thông tin VEAM được thực hiện theo Quy chế công bố thông tin VEAM.

Chương VI

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ các hoạt động của HĐQT như sau:

- a) Tiểu ban chiến lược;
- b) Tiểu ban nhân sự;
- c) Tiểu ban lương thưởng;
- d) Tiểu ban kiểm toán.

2. Việc thành lập thêm các tiểu ban khác phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ.

Điều 30. Cơ cấu của các tiểu ban

1. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng ít nhất có ba (03) thành viên, gồm các thành viên là thành viên HĐQT và thành viên bên ngoài.

2. Một thành viên HĐQT có thể tham gia nhiều tiểu ban.

3. Trong mỗi tiểu ban, sẽ có ít nhất hai (02) thành viên HĐQT, trong đó phải có một thành viên là thành viên độc lập HĐQT hoặc không điều hành.

4. Trong mỗi tiểu ban số thành viên bên ngoài không được nhiều hơn số thành viên là thành viên HĐQT.

Điều 31. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban

1. Thành viên của tiểu ban chiến lược phải có năng lực hoạch định về chiến lược kinh doanh, đầu tư phát triển có hiểu biết về quản lý và tài chính doanh nghiệp. Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc là trưởng tiểu ban chiến lược.

2. Thành viên tiểu ban nhân sự phải nắm vững những nguyên tắc hoạt động của công ty cổ phần, hiểu biết về luật doanh nghiệp, luật lao động. Tiểu ban nhân sự giúp HĐQT trong việc chuẩn bị nhân sự và xử lý các vấn đề liên quan đến nhân sự HĐQT, Ban kiểm soát và các nhân sự thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, hoặc cho ý kiến chấp thuận của HĐQT. Trưởng tiểu ban nhân sự do thành viên độc lập HĐQT phụ trách.

3. Thành viên tiểu ban lương thưởng phải nắm vững những nguyên tắc về kinh tế, tài chính, lao động, tiền lương. Trưởng tiểu ban lương thưởng do thành viên độc lập HĐQT phụ trách.

4. Thành viên tiểu ban kiểm toán phải nắm vững những nguyên tắc về hệ thống quản trị doanh nghiệp, pháp luật, tài chính, kế toán. Thành viên tiểu ban kiểm toán không được làm việc cho bộ phận kế toán, tài chính VEAM. Trưởng tiểu ban kiểm toán do thành viên HĐQT được HĐQT phân công phụ trách tài chính phụ trách.

Điều 32. Việc thành lập tiểu ban

1. HĐQT quyết định thành lập, số lượng thành viên của tiểu ban, bổ nhiệm trưởng tiểu ban, quy định thù lao hoạt động của các thành viên.

2. HĐQT xin ý kiến ĐHĐCĐ khi thấy cần thay đổi các tiểu ban quy định tại khoản 1 Điều 29 Quy chế này, hoặc xin thành lập thêm các tiểu ban mới.

Điều 33. Trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên

1. Hoạt động của tiểu ban tuân thủ theo chỉ đạo của HĐQT.

2. HĐQT quy định chức năng, nhiệm vụ của từng tiểu ban, trách nhiệm của các trưởng tiểu ban.

3. Thành viên các tiểu ban hoạt động theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số, được bảo lưu ý kiến khi đưa ra xem xét tại cuộc họp của HĐQT.

4. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên tham dự và số thành viên là thành viên HĐQT biểu quyết tán thành phải lớn hơn hoặc bằng số thành viên không phải là thành viên HĐQT.

Chương VII

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 34. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng Giám đốc

a) HĐQT bổ nhiệm một thành viên (không phải là thành viên độc lập HĐQT) hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc. Trong trường hợp bổ nhiệm người khác làm Tổng Giám đốc, thì tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc phải phù hợp với quy định tại Điều 65 Luật doanh nghiệp.

b) Thành viên HĐQT được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc nếu là người đại diện phần vốn của Nhà nước tại VEAM còn phải đáp ứng các điều kiện quy định của pháp luật về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ).

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của Phó Tổng Giám đốc:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Có năng lực quản lý, điều hành doanh nghiệp;

c) Trường hợp người đại diện phần vốn của Nhà nước tại VEAM còn phải đáp ứng các điều kiện quy định của pháp luật về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ);

d) Số lượng các Phó Tổng Giám đốc tối đa là năm (05) người.

3. HĐQT ban hành quy chế về cơ cấu tổ chức và số lượng người điều hành cấp phó phòng, ban của VEAM, cấp phó các chi nhánh, trong đó quy định về tiêu chuẩn và điều kiện của người điều hành cấp trưởng, phó phòng, ban, chi nhánh.

Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. HĐQT bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

2. HĐQT chấp thuận việc bổ nhiệm người điều hành là trưởng các chi nhánh và cấp trưởng các phòng, ban VEAM theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

3. Tổng Giám đốc bổ nhiệm người điều hành là trưởng các chi nhánh và cấp trưởng các phòng, ban VEAM sau khi có ý kiến chấp thuận của HĐQT; bổ nhiệm người điều hành là cấp phó các chi nhánh và cấp phó các phòng, ban VEAM.

Điều 36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

1. Trường hợp Tổng Giám đốc không phải là thành viên HĐQT, thì HĐQT ký hợp đồng thuê Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động với người điều hành là Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng các chi nhánh với các điều khoản được HĐQT chấp thuận và không trái với các quy định của pháp luật.

3. Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động với các người điều hành khác ngoài các người điều hành quy định tại khoản 2 Điều này như ký hợp đồng lao động với người lao động bình thường khác, nhưng có điều khoản quy định liên quan đến trách nhiệm điều hành.

4. Các điều khoản về tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong các hợp đồng lao động quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này phải căn cứ các quy định về tiền lương, thù lao, tiền thưởng quy định tại Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng do HĐQT ban hành.

Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Do nhu cầu công việc cần điều chuyển, luân chuyển nhân sự;
 - b) Đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ bảo hiểm xã hội;
 - c) Hết thời hạn quy định đối với các chức danh có quy định thời hạn đảm đương chức vụ tại Điều lệ VEAM; hết hợp đồng lao động đối với các chức danh khác;
 - d) Không đảm bảo sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ.
2. Người điều hành doanh nghiệp bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc vi phạm nội quy, quy chế của VEAM;
 - b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
3. Người điều hành doanh nghiệp nếu là người đại diện phần vốn của Nhà nước tại VEAM bị miễn nhiệm, bãi nhiệm còn căn cứ các quy định của pháp luật về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ).

Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Việc công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được thực hiện trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có nghị quyết hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.
2. Việc cung cấp thông tin về người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng mới theo quy định đối với người nội bộ tại Quy chế công bố thông tin VEAM được thực hiện theo Quy chế công bố thông tin VEAM.

Chương VIII

**PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Điều 39. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

1. HĐQT thông báo triệu tập họp có sự tham gia của Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 18 Quy chế này và mời Tổng Giám đốc (trong trường hợp Tổng Giám đốc không phải là thành viên HĐQT).

2. Việc ghi biên bản được thực hiện theo Điều 22 Quy chế này.

3. HĐQT có trách nhiệm gửi nghị quyết và biên bản cuộc họp HĐQT tới Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc tương tự như đối với thành viên HĐQT.

Điều 40. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người đứng đầu cơ quan chấp hành, thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT, đảm bảo hoạt động hiệu quả của VEAM.

2. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ... nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho HĐQT trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ gần nhất về các quyết định đó.

3. Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến của mình đối với quyết định của HĐQT nếu cho rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với HĐQT bằng văn bản.

4. Các quyết định của Tổng Giám đốc cần phải có sự phê duyệt của HĐQT theo quy định tại Điều lệ VEAM phải gửi tờ trình đến HĐQT ít nhất bảy (07) ngày trước ngày dự định ra quyết định.

Điều 41. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Tổng Giám đốc có thể yêu cầu tổ chức họp HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Có những hoạt động điều hành cần có nghị quyết phê duyệt hoặc chấp thuận của HĐQT mà lịch họp HĐQT định kì không đáp ứng được;

b) Có các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động điều hành mà vượt quá thẩm quyền hoặc khả năng của Tổng Giám đốc;

c) Có xung đột về quyền lợi và nghĩa vụ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc;

d) Có các giao dịch mà Tổng Giám đốc là một bên liên quan;

e) Các trường hợp khác Tổng Giám đốc sau khi tham vấn ý kiến của Chủ tịch HĐQT và thống nhất cần triệu tập họp HĐQT để giải quyết.

2. Ban kiểm soát có thể yêu cầu tổ chức họp HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Ban kiểm soát khi phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ VEAM của thành viên HĐQT hoặc Ban điều hành thì phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ. HĐQT phải xem xét họp để có biện pháp chấm dứt vi phạm hoặc xử lý hậu quả của việc vi phạm.

b) Các trường hợp khác Ban kiểm soát xét thấy hoạt động điều hành có biểu hiện hoặc nguy cơ gây thiệt hại, ảnh hưởng đến lợi ích cổ đông, thì Trưởng Ban kiểm soát sau khi tham vấn ý kiến của Chủ tịch HĐQT và thống nhất cần triệu tập họp HĐQT để giải quyết.

Điều 42. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Các nội dung báo cáo của Tổng Giám đốc luôn là một mục trong chương trình họp định kì của HĐQT.

2. Nội dung báo cáo của Tổng Giám đốc trong các kì họp định kì bao gồm kiểm điểm các công việc điều hành theo chức năng nhiệm vụ của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ VEAM, kiểm điểm các mục tiêu, nhiệm vụ được giao theo nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT.

3. Kì họp đầu hoặc giữa của một quý sau khi có báo cáo tài chính quý trước, thì Tổng Giám đốc báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý trước, dự kiến kế hoạch quý sau và cả năm.

Điều 43. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

1. HĐQT phải tổ chức theo dõi một cách hệ thống việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Các cuộc họp định kì phải có nội dung nghị quyết về kiểm điểm thực hiện.

2. HĐQT phải giám sát chặt chẽ các nội dung HĐQT ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện, yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo tiến độ thực hiện và báo cáo khi hoàn thành.

Điều 44. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Ngoài các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo khi thực hiện các quy định tại các Điều 42 và Điều 43 của Quy chế này, Tổng Giám đốc phải thực hiện báo cáo các nội dung cụ thể sau:

1. Báo cáo dự kiến các kế hoạch chuyên môn để chuẩn bị cho việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trình ĐHĐCĐ hàng năm. Kế hoạch phải được lập và phê duyệt ngay từ đầu năm để không ảnh hưởng đến hoạt động và được điều chỉnh sau khi các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chính được ĐHĐCĐ thông qua.

a) Kế hoạch doanh thu - chi phí, bao gồm kế hoạch tổng hợp, kế hoạch của các chi nhánh, kế hoạch kinh doanh Văn phòng VEAM, kế hoạch chi phí hoạt động văn phòng VEAM, kế hoạch doanh thu tài chính.

b) Kế hoạch đầu tư, sửa chữa, bao gồm kế hoạch của Văn phòng VEAM và các chi nhánh.

c) Kế hoạch vốn và tài sản thể hiện biến động trong năm về vốn chủ sở hữu, các khoản nợ phải trả, các khoản mục tài sản chính như phải thu, tồn kho,

đầu tư tài chính dài hạn, tiền và tương đương,... Kế hoạch có thể thể hiện ở dạng bảng cân đối kế toán dự kiến hàng quý.

d) Kế hoạch tuyển dụng, sử dụng, đào tạo.

e) Kế hoạch tiền lương, tiền thưởng.

f) Kế hoạch trích lập, sử dụng các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

2. Định kì các cuộc họp hàng quý, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT về tình hình thực hiện các kế hoạch quy định ở khoản 1 Điều này.

3. Tổng Giám đốc báo cáo xin ý kiến HĐQT thông qua kế hoạch và nội dung tổ chức các hội nghị sơ kết 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, tổng kết cả năm có sự tham gia của người quản lý vốn và đại diện lãnh đạo của các công ty có vốn góp của VEAM.

4. Các văn bản báo cáo gửi tới HĐQT cũng đồng thời gửi cho Ban kiểm soát bằng hình thức gửi trực tiếp hoặc văn bản gửi kèm theo thư điện tử.

5. Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu cung cấp các thông tin hoạt động của VEAM theo quy định tại Điều lệ VEAM. Yêu cầu được gửi trực tiếp cho Tổng Giám đốc và Tổng Giám đốc chỉ đạo cung cấp thông tin và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.

Điều 45. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

1. Trong thời gian giữa các kì họp HĐQT, thành viên HĐQT, kiểm soát viên có thể chia sẻ, trao đổi thông tin lẫn nhau cũng như trao đổi với Tổng Giám đốc về tất cả những vấn đề liên quan đến hoạt động của VEAM, nhằm thực hiện đầy đủ và kịp thời chức trách nhiệm vụ được quy định đối với từng cá nhân thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.

2. Các thông tin trao đổi, chia sẻ giữa các thành viên HĐQT, kiểm soát viên và Tổng Giám đốc khi chưa có nghị quyết của HĐQT thì chưa phải là những yêu cầu bắt buộc phải thực hiện, nhưng Tổng Giám đốc và các cấp thừa hành cần phải lưu ý trao đổi, phản hồi thỏa đáng, để tránh những rủi ro trong hoạt động điều hành.

3. Các tiểu ban của HĐQT khi hoạt động cần phối hợp với các tiểu ban khác đối với những vấn đề liên quan hoặc trao đổi với các thành viên HĐQT khác để đảm bảo hiệu quả hoạt động của tiểu ban cũng như của chung HĐQT.

4. Tổng Giám đốc trong trường hợp cũng là thành viên HĐQT khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc phải luôn luôn ý thức được nhiệm vụ kiểm soát, chia sẻ thông tin, phối hợp hoạt động giữa các thành viên HĐQT trong vai trò thành viên HĐQT.

Chương IX
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI
HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC
VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 46. Đánh giá hoạt động

1. Hàng năm, căn cứ kết quả thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và nhiệm vụ được phân công, HĐQT đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Kiểm soát viên.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với người điều hành là cấp trưởng, phó các phòng, ban và tương đương.

4. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc là người đại diện phần vốn nhà nước tại VEAM ngoài việc đánh giá thực hiện chức trách nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này còn chịu sự kiểm điểm, đánh giá theo quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước.

5. Tiểu ban nhân sự của HĐQT có thể chủ trì xây dựng tiêu chí đánh giá để HĐQT có thể ban hành quy chế đánh giá hoặc quyết định sử dụng tiêu chí đánh giá hàng năm phù hợp với từng điều kiện hoạt động cụ thể.

6. Việc đánh giá được phân loại theo 3 mức độ: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 47. Khen thưởng

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được khen thưởng từ quỹ khen thưởng của người quản lý theo Quy chế lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng VEAM.

2. Các người điều hành là cấp trưởng, phó các phòng, ban và tương đương được khen thưởng từ quỹ khen thưởng của người lao động.

3. Tiểu ban nhân sự và tiểu ban lương thưởng của HĐQT có thể chủ trì xây dựng phương án khen thưởng hàng năm để HĐQT quyết định mức khen thưởng các đối tượng được khen thưởng từ quỹ khen thưởng của người quản lý.

4. Ngoài hình thức khen thưởng bằng tiền có thể có các hình thức khen thưởng phi vật chất khác do HĐQT và Tổng Giám đốc xem xét quyết định.

Điều 48. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng vi phạm quy định đối với chức trách, nhiệm vụ của mình, vi phạm nội quy, quy chế của VEAM, không tuân thủ các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết HĐQT, hoặc vi phạm pháp luật thì bị xem xét kỉ luật. Hình thức kỷ luật gồm: khiển trách, cảnh cáo, bãi nhiệm.

2. HĐQT có thể ra nghị quyết bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; ra nghị quyết bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; ra nghị quyết khiển trách, cảnh cáo đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; ra nghị quyết đề nghị Ban kiểm soát xem xét xử lý kỷ luật thành viên Ban kiểm soát; ra nghị quyết đề nghị ĐHĐCĐ xem xét bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát.

3. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc là người đại diện phần vốn nhà nước tại VEAM vi phạm kỷ luật mà bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì không bị xem xét kỷ luật theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này với cùng lỗi vi phạm.

4. Những người điều hành khác cấp trưởng, phó phòng, ban và tương đương vi phạm kỷ luật sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định về xử lý kỷ luật tại nội quy lao động và các quy chế quản lý khác của VEAM.

Chương X

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 49. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

1. Có trình độ hiểu biết về pháp luật; có kiến thức hoặc kinh nghiệm về quản trị doanh nghiệp.
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VEAM.
3. Có kỹ năng giao tiếp tốt trong cả nói và viết.
4. Có kỹ năng để thực hiện vai trò thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

Điều 50. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Số lượng Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định.
2. Người phụ trách quản trị công ty đồng thời kiêm nhiệm làm thư ký công ty.
3. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.
4. Trong quan hệ lao động, Người phụ trách quản trị công ty kí hợp đồng lao động với người sử dụng lao động.
5. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ Người phụ trách quản trị công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Số lượng Trợ lý người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định. Trợ lý người phụ trách quản trị công ty có thể làm nhiệm vụ kiêm nhiệm.

Điều 51. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty vào bất cứ thời điểm nào, nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

2. Người phụ trách quản trị công ty được miễn nhiệm khi có đơn xin thôi làm Người phụ trách quản trị công ty và được HĐQT chấp thuận.

Điều 52. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có nghị quyết hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Hình thức công bố thông tin được thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử VEAM và theo quy định của pháp luật.

Chương XI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53. Hiệu lực

1. Quy chế này do ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp của ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực ngay sau khi được biểu quyết thông qua.

2. Văn bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT mới có giá trị.

Điều 54. Tổ chức thực hiện

1. HĐQT có trách nhiệm trình ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế.

2. Trong trường hợp Quy chế có những nội dung quy định chưa được cập nhật hoặc trái với những quy định mới thay đổi của pháp luật có liên quan, mà chưa kịp sửa đổi, bổ sung, thì HĐQT phải có văn bản hướng dẫn áp dụng.

3. HĐQT, Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bùi Quang Chuyện

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP
(VEAM)**

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019
KẾ HOẠCH NĂM 2020
*(Báo cáo Đại hội đồng cổ đông năm 2020)***

Hà Nội, tháng 6 năm 2020



Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019
KẾ HOẠCH NĂM 2020**

I. TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung công ty cổ phần

- Tên gọi: Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP
- Trụ sở chính: Lô D, khu D1, Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội (*toà nhà VEAM, ngõ 689 Lạc Long Quân*).
- Điện thoại: +84-24-62.800.802; Fax: +84-24-62.800.809
- Website: www.veamcorp.com
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0100103866, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 16/4/2020.
- Vốn điều lệ: 13.288.000.000.000 đồng (*mười ba nghìn hai trăm tám mươi tám tỷ đồng*).

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp (VEAM) được thành lập ngày 12/5/1990.
- Ngày 01/7/2010, Công ty mẹ VEAM được chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên có tên gọi là Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.
- Ngày 24/01/2017, Công ty mẹ VEAM chính thức hoạt động là công ty cổ phần với tên gọi là Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM).

3. Lĩnh vực hoạt động, ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của VEAM gồm các lĩnh vực: sản xuất lắp ráp và kinh doanh ô tô; đúc chi tiết chế tạo máy; kinh doanh thương mại; đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác.

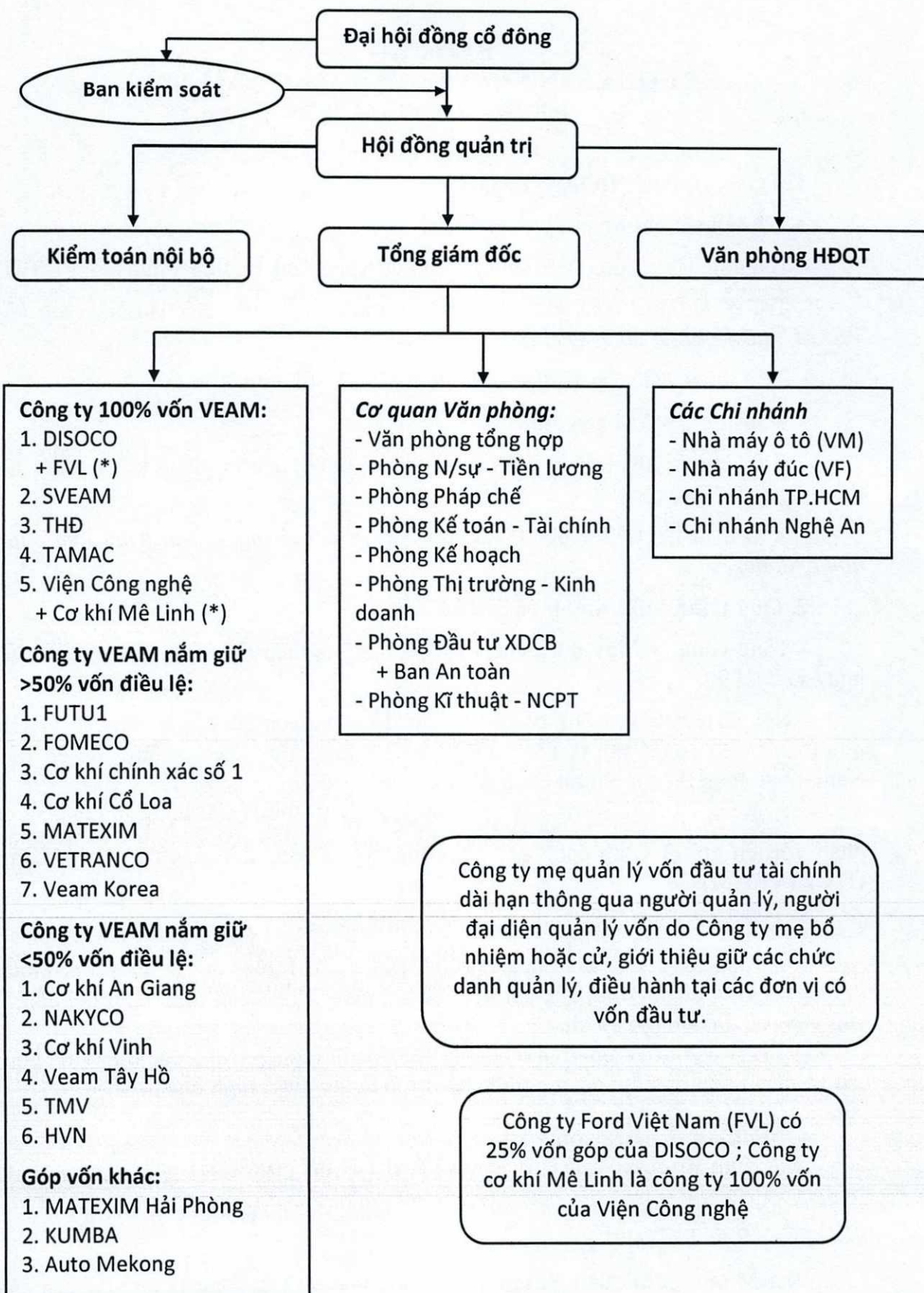
VEAM đầu tư tài chính dài hạn tại các doanh nghiệp trong các lĩnh vực: động cơ và máy nông nghiệp; công nghiệp hỗ trợ; ô tô, xe máy; kinh doanh khác.

4. Mô hình tổ chức, quản trị

Mô hình tổ chức, quản trị của VEAM (sơ đồ dưới đây) gồm cơ quan văn phòng và các chi nhánh (*là các đơn vị hạch toán phụ thuộc được giao quyền trực tiếp sản xuất kinh doanh*).

VEAM cử người quản lý, người đại diện vốn tại các công ty có vốn góp của VEAM là các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn (một hoặc hai thành viên trở lên).

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VEAM
MÔ HÌNH CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON



II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Đặc điểm tình hình năm 2019

1.1. Thuận lợi

- Tình hình kinh tế xã hội tiếp tục ổn định, các chỉ số kinh tế vĩ mô khá tốt, GDP tăng trưởng cao hơn mục tiêu Quốc hội đề ra (*mức tăng thấp hơn 2018 nhưng cao hơn mức tăng các năm 2011 - 2017*).

- Thị trường ô tô tăng trưởng 12% so với năm 2018 (trong đó xe du lịch tăng 20%) tác động tích cực đến việc tăng doanh thu và lợi nhuận tại các công ty có vốn góp của VEAM hoạt động trong lĩnh vực này.

- VEAM hoàn thiện hơn trong quản lý và điều hành trong năm thứ 3 hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

1.2. Khó khăn

- Thị trường động cơ, máy nông nghiệp tiếp tục cạnh tranh khó khăn. Chính sách thuế VAT bất lợi đối với sản xuất trong nước. Hầu hết công ty có vốn góp của VEAM hoạt động trong lĩnh vực này tiếp tục suy giảm so với năm trước.

- Chi nhánh Nhà máy ô tô của VEAM tiêu thụ hàng tồn kho Euro2 chậm, tiêu thụ các xe Euro 4 còn hạn chế. Thị trường xe tải trong năm 2019 giảm 8% so với năm 2018 (theo số liệu VAMA), lượng xe tải Euro2 tồn nhiều trên thị trường.

- Việc niêm yết trên sàn chứng khoán chưa thực hiện nên chưa có tác động tích cực đối với hình ảnh và uy tín của VEAM trên thị trường chứng khoán.

2. Kết quả hoạt động năm 2019

2.1. Kết quả sản xuất, kinh doanh

Kết quả thực hiện giá trị sản xuất, doanh thu, lợi nhuận 2019 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So sánh (%)	
				(4)/(2)	(4)/(3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Doanh thu BH và CCDV	2.927	2.398	685,4	23%	29%
+ Sản xuất công nghiệp	1.983	1.598	628,7	32%	39%
+ Thương mại	944	800	56,7	6%	7%
2. Doanh thu tài chính	5.495	7.243	7.827	142%	108%
3. Lợi nhuận sau thuế	5.224	6.402	7.043	135%	110%

(Số liệu theo báo cáo tài chính đã kiểm toán)

Hoạt động sản xuất công nghiệp thực hiện bởi Chi nhánh Nhà máy Đức (VF) tại khu công nghiệp Hiệp Phước (TP. Hồ Chí Minh) và Chi nhánh Nhà máy Ô tô (VM) tại thị xã Bỉm Sơn (tỉnh Thanh Hóa).

Hoạt động thương mại, dịch vụ được thực hiện bởi Văn phòng Công ty mẹ và Chi nhánh Nghệ An (khách sạn Cửa Lò).

Hoạt động đầu tư tài chính là các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại các công ty con, công ty liên kết và đầu tư tài chính ngắn hạn (tiền gửi ngân hàng).

Các chỉ tiêu về giá trị sản xuất công nghiệp và doanh thu thương mại đạt thấp so với kế hoạch đã được Ban điều hành dự báo trước và chủ động trong công tác điều hành nhằm đảm bảo hiệu quả trong sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững trong dài hạn.

2.2. Các chỉ số tài chính thực hiện

Đơn vị: tỷ đồng

Các chỉ tiêu chính	Năm 2018	Năm 2019	So sánh (3)/(2) (%)
(1)	(2)	(3)	(4)
<u>A. Công ty mẹ</u>			
1. Doanh thu thuần về BH & CCDV	2.927	685,4	23%
2. Lợi nhuận gộp	204,3	(337,5)	
+ Tỷ suất lợi nhuận gộp /doanh thu (%)	7,0%	-49,2%	
3. Doanh thu tài chính	5.495	7.827	142%
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.224	7.043	135%
5. Tỷ suất LNST/vốn điều lệ (%)	39,3%	53,0%	
<u>B. Hợp nhất</u>			
1. Doanh thu thuần về BH & CCDV	7.070	4.488	63%
2. Lợi nhuận gộp	602,7	65,4	11%
+ Tỷ suất lợi nhuận gộp /doanh thu (%)	8,5%	1,5%	
3. Doanh thu tài chính	416,5	903,3	217%
4. Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	6.852	7.126	104%
5. Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.047	7.319	104%
6. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	7.010	7.280	104%
7. Lãi cơ bản (đồng)/cổ phiếu (EPS)	5.188	5.479	106%

(Số liệu theo báo cáo tài chính đã kiểm toán)

Doanh thu tài chính và lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch năm được Đại hội cổ đông ngày 30/6/2019 thông qua. Các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đã được trích lập.

Khoản truy thu thuế nhập khẩu (bao gồm cả các khoản phạt hành chính và phạt chậm nộp) liên quan lô linh kiện ô tô nhập 2016 và 2017 (~246 tỷ đồng) đã được hạch toán vào chi phí hoạt động. Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho VM 31/12/2019 ~207,4 tỷ đồng.

3. Tình hình thị trường và sản phẩm năm 2019

3.1. Sản phẩm tiêu thụ chủ yếu

- Các sản phẩm tiêu thụ chủ yếu của VEAM về động cơ và máy nông nghiệp do các công ty có vốn góp của VEAM sản xuất và kinh doanh. Các thương hiệu sản phẩm chính gồm THĐ (Cơ khí Trần Hưng Đạo), Bông Sen (TAMAC), VINAPPRO & VIKYNO (SVEAM), Cơ khí An Giang. Về ô tô có các sản phẩm xe tải mang thương hiệu VEAM do Nhà máy ô tô VEAM sản xuất.

- Các sản phẩm như động cơ, bơm nước, ru lô cao su đều có mức tiêu thụ tăng trưởng tốt so với kết quả thực hiện năm 2018. Tuy nhiên, ngoại trừ bơm nước, số lượng tiêu thụ ru lô cao su và động cơ đều đạt thấp hơn kế hoạch.

- Các sản phẩm máy nông nghiệp như máy kéo, máy xay xát, máy cắt lúa rải hàng có xu hướng giảm hàng năm do khác hàng có nhu cầu sử dụng sản phẩm có công suất lớn hơn và tính năng cao hơn.

- Các loại hộp số cũng có số lượng tiêu thụ giảm mạnh trong năm 2019 do năm 2018 số lượng tiêu thụ đã tăng rất cao theo chu kỳ thị trường.

- Số lượng ô tô tiêu thụ rất thấp do không tiêu thụ được hàng tồn kho và thận trọng trong việc đưa ra thị trường các dòng xe mới.

3.2. Công nghiệp hỗ trợ

- Chiếm tỷ trọng lớn nhất về doanh thu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ của VEAM là phụ tùng xe máy các loại. Phụ tùng ô tô chỉ bao gồm hộp số phụ cho xe tải và thùng xe tải. Năm 2019, do sự giảm sút chung của thị trường xe máy, doanh thu các sản phẩm phụ tùng, linh kiện xe máy cũng chỉ đạt xấp xỉ kế hoạch năm. Phụ tùng máy nông nghiệp và phụ tùng ô tô có mức tăng khá cao song chiếm tỷ trọng nhỏ trong doanh thu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- Các công ty tham gia chuỗi cung ứng của công nghiệp hỗ trợ chủ yếu gồm FUTU1, FOMECO, DISOCO, NAKYCO, SVEAM và Chi nhánh VF của Công ty mẹ.

3.3. Sản phẩm xuất khẩu

- Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2019 đạt 30,5 triệu USD, chủ yếu là sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Các đơn vị đóng góp nhiều cho giá trị xuất khẩu như FOMECO (8,6 triệu USD), SVEAM (8,4 triệu USD), Đức Veam (5,8 triệu USD), DISOCO (5 triệu USD), FUTU1 (1,8 triệu USD).

- Đối với các sản phẩm máy nông nghiệp xuất khẩu, lượng máy kéo xuất khẩu sang thị trường Sri Lanka tăng so với năm 2018, các sản phẩm như động cơ, ru lô cao su đều sụt giảm.

- Các thị trường truyền thống như Sri Lanka, Indonesia... vẫn tiếp tục cạnh tranh khó khăn. Thị trường Myanmar và Trung Đông gặp nhiều khó khăn do sức mua hoặc bất ổn chính trị. Thị trường Malaysia, Philippines, Indonesia khá ổn định. Thị trường Campuchia bắt đầu có sự tăng trưởng.

III. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2020

1. Dự báo tình hình năm 2020

- Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nền kinh tế toàn cầu đã có nguy cơ suy thoái ngay từ quý 1. Mức tăng trưởng GDP của Việt Nam dự báo thấp hơn khá nhiều so với mục tiêu phấn đấu 6,8% theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ.

- Các kế hoạch bàn giao cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước, niêm yết trên thị trường chứng khoán có tốc độ thực hiện chậm bởi cả yếu tố chủ quan và khách quan.

- Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ khó có tăng trưởng cao khi các doanh nghiệp đầu ra gặp khó khăn đồng thời giá nguyên vật liệu đầu vào liên tục tăng.

- Lĩnh vực động cơ và máy nông nghiệp liên tục sụt giảm trong nhiều năm gần đây, Công ty mẹ không thể đầu tư khi chưa có phương án đột phá.

- Kinh doanh ô tô chưa có dấu hiệu khả quan, VM tiếp tục tập trung vào mục tiêu tiêu thụ tồn kho, các sản phẩm mới đưa ra thị trường còn hạn chế nhằm đảm bảo tồn kho tối thiểu.

2. Mục tiêu kế hoạch Công ty mẹ năm 2020

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	So sánh (%)	
				(4)/(2)	(4)/(3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Doanh thu BH và CCDV	2.398	685,4	1.170,6	49%	171%
+ Sản xuất công nghiệp	1.598	628,7	970,6	61%	154%
+ Thương mại, dịch vụ	800	56,7	200	25%	353%
2. Doanh thu tài chính	7.243	7.827	7.580	105%	97%
3. Lợi nhuận sau thuế (*)	6.402	7.043	6.741	105%	96%
4. Lợi nhuận/vốn điều lệ	48,2%	53,0%	50,7%	-	-

* Ghi chú: Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đã trích lập dự phòng khoản phải thu là các khoản VEAM đã hỗ trợ tài chính (cho vay) đối với các đơn vị có vốn góp của VEAM.

Doanh thu BH và CCDV năm 2020 dự kiến tăng mạnh so với thực hiện năm 2019 do VEAM tập trung đẩy mạnh tiêu thụ hàng tồn kho của VM và tăng

doanh thu thương mại thông qua việc tăng cường hợp tác, hỗ trợ các đơn vị có vốn VEAM trong việc cung cấp vật tư đầu vào cho các đơn vị này.

- Doanh thu tài chính và lợi nhuận sau thuế năm 2020 dự kiến thấp hơn so với năm 2019 do giảm lãi suất ngân hàng và tác động của dịch bệnh Covid-19;

- Các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty mẹ năm 2020 nêu trên sẽ được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

3. Mục tiêu kế hoạch các Công ty con năm 2020

- Căn cứ kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của các Công ty 100% vốn VEAM, các chỉ tiêu được đề ra như sau: Tổng doanh thu 4.040 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 148 tỷ đồng.

- Căn cứ kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của các Công ty >50% vốn VEAM, các chỉ tiêu được đề ra như sau: Tổng doanh thu 2.690 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 100 tỷ đồng.

- Các mục tiêu kế hoạch này đang được các Công ty con của VEAM tiếp tục rà soát, hoàn thiện nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh của từng đơn vị.

- Các chỉ tiêu kế hoạch Công ty con năm 2020 nêu trên chỉ nhằm đánh giá hoạt động của VEAM một cách toàn diện và không phải là các chỉ tiêu đề nghị thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

4. Một số giải pháp thực hiện

- a) Tuân thủ sự chỉ đạo của Chính phủ và cổ đông nhà nước (Bộ Công Thương) đối với việc thoái vốn nhà nước tại VEAM. Tiếp tục hoàn thiện đề án tái cơ cấu đã được HĐQT trình Bộ Công Thương để nâng cao hiệu quả hoạt động của VEAM.

- b) Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm (từ năm 2020 đến năm 2025). Lựa chọn sản phẩm để đầu tư phát triển trong dài hạn đối với các công ty 100% vốn VEAM và Viện Công nghệ.

- c) Chú trọng trong việc hợp tác chặt chẽ, hiệu quả, dài hạn với các đối tác liên doanh trong lĩnh vực ô tô, xe máy.

- d) Giữ mối quan hệ chặt chẽ và thường xuyên với các cổ đông và các nhà đầu tư, công khai, minh bạch, cập nhật kịp thời thông tin, lắng nghe ý kiến đóng góp của các cổ đông và các nhà đầu tư đối với hoạt động doanh nghiệp.

- e) Thực hiện các quy định về tư tài chính ngắn hạn, quản lý chặt chẽ dòng tiền, tối ưu hóa lợi nhuận tiền gửi.

- f) Công ty mẹ thực hiện kinh doanh thương mại đảm bảo an toàn vốn và hiệu quả hợp lý với tình hình dịch Covid-19, có vai trò hợp tác hỗ trợ các đơn vị có vốn VEAM.

- g) Tiếp tục công tác kiểm tra, kiểm soát các chi phí nhằm tiết giảm chi phí tại Công ty mẹ, Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động văn phòng VEAM theo đúng Quy chế quản lý chi phí hoạt động, đảm bảo tiết kiệm chi phí, cân đối giữa chi phí và hiệu quả mang lại đối với từng hoạt động.

h) Nhà máy Ô tô (VM) thực hiện mục tiêu tiêu thụ lượng ô tô Euro 2 tồn kho với phương án trích lập dự phòng dự kiến tiêu thụ hết trong 2 năm 2020 và 2021. Tiếp tục tìm kiếm các đối tác có triển vọng để hợp tác sản xuất sản phẩm lâu dài.

i) Nhà máy Đức (VF) tận dụng cơ hội khi chuỗi cung ứng có xu hướng dịch chuyển về Việt Nam.

j) Thực hiện tiêu thụ tối đa số xe Changan đã nhập khẩu, đảm bảo đồng bộ với kế hoạch sản xuất của Chi nhánh Mekong Auto (sản xuất hết trước tháng 6/2021).

5. Dự kiến một số chỉ tiêu tài chính 31/12/2020

Căn cứ báo cáo tài chính và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020, các chỉ tiêu tài chính cơ bản của VEAM tại thời điểm cuối năm 2020 được dự kiến như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	Giá trị 31/12/2018	Giá trị 31/12/2019	Giá trị 31/12/2020
A. TÀI SẢN	18.727	25.633	20.205
1. TS ngắn hạn	13.778	21.505	16.176
- Tiền & tương đương	205	5.321	91
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.618	10.670	12.000
- Phải thu ngắn hạn	3.327	4.161	3.230
(Trích lập dự phòng)	(327)	(342)	(888)
- Hàng tồn kho	1.566	1.269	785
(Trích lập dự phòng)	(36,5)	(214,7)	(214,7)
- Khác	61	82	70
2. TS dài hạn	4.949	4.129	4.029
- Phải thu dài hạn	620	3	-
- TSCĐ	790	737	672
- BĐS đầu tư	39	-	-
- TS dở dang	60	57	65
- Đầu tư TC dài hạn	3.362	3.280	3.240
+ Công ty con	2.793	2.792	2.792
+ Công ty liên doanh, liên kết	692	707	707
+ Khác	27	11	11
+ Dự phòng	(149)	(229)	(269)

Khoản mục	Giá trị 31/12/2018	Giá trị 31/12/2019	Giá trị 31/12/2020
- Khác	76	52	52
B. NGUỒN VỐN	18.727	25.633	20.205
1. Nợ phải trả	214	5.302	176
- Nợ ngắn hạn	203	5.276	150
- Nợ dài hạn	11	26	26
2. Vốn CSH	18.513	20.332	20.029

** Ghi chú: Các chỉ tiêu tài chính dự kiến trên để tham khảo, đánh giá về hoạt động của VEAM một cách toàn diện (không phải là chỉ tiêu để nghị thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông).*

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP, KH.

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khắc Hải

Số: 468 /BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VEAM**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là VEAM) được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ VEAM, HĐQT báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch năm 2020 như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH
NĂM 2019**

1. Thuận lợi và khó khăn

1.1. Thuận lợi

- Kinh tế Việt Nam năm 2019 đạt kết quả tốt, tốc độ tăng trưởng GDP cả năm đạt 7,02%, thuộc nhóm tăng trưởng cao hàng đầu khu vực và thế giới. Trong năm 2019, khu vực công nghiệp tăng khoảng 8,9% đạt mục tiêu kế hoạch đề ra. Chỉ số này thể hiện tính gia công giảm trong ngành công nghiệp và tỉ lệ nội địa hóa ngày càng cao.

- Về thị trường trong nước, lạm phát cơ bản bình quân năm 2019 được kiểm soát ở mức dưới 4%. Chất lượng tăng trưởng và môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, doanh nghiệp thành lập mới tăng mạnh. Nền tảng kinh tế vĩ mô từng bước được củng cố và tăng cường.

- Trong năm 2019, nhiều ngành công nghiệp có mức tăng trưởng cao và vững chắc trong bối cảnh thị trường có nhiều khó khăn, trong đó sản xuất xe có động cơ tăng 7,3%. Sự tăng trưởng này đã tác động tích cực đến các công ty có vốn góp của VEAM hoạt động trong lĩnh vực này.

- Sau 3 năm cổ phần hóa, công tác quản lý và điều hành hoạt động theo mô hình công ty cổ phần của VEAM ngày càng hoàn thiện hơn.

1.2. Khó khăn

- Nền kinh tế thế giới có những biến động phức tạp và khó đoán định, tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu thấp hơn 2018. Cạnh tranh chiến lược và căng thẳng thương mại giữa một số nền kinh tế lớn ngày càng gia tăng, giá cả

nhieu hàng hóa trên thị trường biến động mạnh, hàng xuất khẩu gặp khó khăn trước sự gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ, các rào cản kỹ thuật và biện pháp phòng vệ thương mại của các nền kinh tế lớn.

- Năm 2019, nền kinh tế nước ta cũng gặp thách thức lớn như năng suất lao động trong nhiều lĩnh vực còn thấp, năng lực cạnh tranh các sản phẩm: công nghiệp còn hạn chế, chưa tham gia sâu vào mạng sản xuất chuỗi giá trị toàn cầu, công nghiệp hỗ trợ chưa thật sự đáp ứng được mục tiêu đề ra.

- Thị trường tiêu thụ xe thương mại và xe chuyên dụng gặp nhiều khó khăn, năm 2019 doanh số bán hàng giảm 8,1% so với năm 2018 (theo VAMA). Thực hiện theo Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 10/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải Euro 4 cho tất cả các loại xe ô tô sử dụng động cơ diesel và quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô (Nghị định 116/2017/NĐ-CP), các đơn vị sản xuất ô tô đã sản xuất phổ cập xe theo tiêu chuẩn EURO 4, việc này gây nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ xe tải tiêu chuẩn Euro 2.

- Năm 2019, nhiều doanh nghiệp sản xuất và lắp ráp ô tô tại Việt Nam đã khởi động các dự án có quy mô lớn, nguồn cung hàng hóa dư thừa dẫn đến thị trường ô tô cạnh tranh gay gắt. Kinh tế toàn cầu giảm, Logistic giảm (vận tải trong nước giảm) dẫn đến sức mua giảm, thị trường tiêu thụ ô tô vận tải gặp nhiều khó khăn.

- Thị trường động cơ, máy nông nghiệp tiếp tục khó khăn, cạnh tranh gay gắt với sản phẩm nhập khẩu. Các sản phẩm máy nông nghiệp không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và việc hợp tác sản xuất hàng xuất khẩu mà phần lớn thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ gây bất lợi cho sự phát triển của thị trường động cơ, máy nông nghiệp, năng lực cạnh tranh của sản phẩm yếu, không khuyến khích được hoạt động xuất khẩu.

- Công tác quyết toán cổ phần hóa của VEAM chưa hoàn thành, ảnh hưởng đến việc bàn giao sang công ty cổ phần cũng như kế hoạch niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh 2019

Hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ tập trung ở 3 lĩnh vực chính:

- Hoạt động sản xuất công nghiệp: Tại Chi nhánh Nhà máy Ô tô VEAM (tại Thanh Hóa) và Nhà máy Đúc VEAM (tại Thành phố Hồ Chí Minh).

- Kinh doanh thương mại của Văn phòng VEAM và dịch vụ khách sạn, nhà hàng tại Chi nhánh Nghệ An.

- Đầu tư tài chính, bao gồm:

- + Đầu tư tài chính dài hạn tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết;

- + Đầu tư tài chính ngắn hạn (chủ yếu là gửi tiền tại các ngân hàng).

2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 2019	TH 2019	So sánh TH/KH
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.398	685,4	29%
+ Sản xuất công nghiệp	1.598	628,7	39%
+ Thương mại	800	56,7	7%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	7.243	7.827	108%
3. Lợi nhuận sau thuế	6.402	7.043	110,%
4. Lợi nhuận/vốn điều lệ	48,2%	53%	

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo Báo cáo tài chính hợp nhất

+ Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	: 4.488 tỷ đồng
+ Doanh thu hoạt động tài chính	: 903,3 tỷ đồng
+ Phần lãi trong công ty liên kết	: 7.126 tỷ đồng
+ Lợi nhuận sau thuế	: 7.319 tỷ đồng
+ Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	: 7.280 tỷ đồng
+ Lãi cơ bản (đồng)/cổ phiếu (EPS)	: 5.479 đồng

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đã bầu bổ sung 01 thành viên độc lập HĐQT, bãi nhiệm 01 thành viên, nên số thành viên HĐQT năm 2019 là 06 người, trong đó có 01 thành viên tham gia điều hành và 05 thành viên không tham gia điều hành (02 thành viên chuyên trách, 03 thành viên không chuyên trách).

2. Kết quả hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT

2.1. Kết quả hoạt động của HĐQT

2.1.1. Về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ giao trong Nghị quyết 46/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019

- Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Trong các chỉ tiêu năm 2019 của Công ty mẹ, có 02 chỉ tiêu gồm doanh thu tài chính vượt 8% và lợi nhuận sau thuế vượt 10% kế hoạch đề ra. Doanh thu tài chính và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ tăng trưởng mạnh do các nguyên nhân sau:

+ Các công ty có vốn góp của VEAM có kết quả hoạt động tốt;

+ Hiệu quả đầu tư tài chính ngắn hạn (lợi nhuận từ tiền gửi ngân hàng) của Công ty mẹ trong năm 2019 được cải thiện đáng kể theo hướng tối ưu hóa các nguồn tài chính;

+ Chi phí hoạt động tại Công ty mẹ được quản lý chặt chẽ theo hướng tiết giảm các chi phí không cần thiết hoặc không hiệu quả.

Có 01 chỉ tiêu về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (đạt 29% kế hoạch; trong đó giá trị SXCN đạt 39% và thương mại đạt 7%). Nguyên nhân chủ yếu do Nhà máy Ô tô VEAM hạn chế sản xuất, dòng xe tải tiêu chuẩn khí thải Euro 4 tiêu thụ chậm (nguồn cung lớn, cạnh tranh gay gắt) nên giảm sản lượng đáng kể. Ngoài ra dòng xe tải tiêu chuẩn khí thải EURO 2 tồn kho nhiều do việc tiêu thụ chậm. Việc HĐQT ban hành Nghị quyết số 23/NQ-HĐQT ngày 10/4/2019 về việc sử dụng vốn đối với kinh doanh thương mại phải đảm bảo lợi nhuận tối thiểu bằng lãi suất tiền gửi ngân hàng dẫn đến doanh thu thương mại giảm.

- Triển khai thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2018 đối với các cổ đông: HĐQT đã chỉ đạo Tổng giám đốc VEAM hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2018 với tổng số tiền 5.161.080.131.753 đồng theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện việc quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2018 của HĐQT và Ban Kiểm soát theo quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông.

- Chỉ định công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 Công ty mẹ và Báo cáo hợp nhất Tổng công ty.

- Công tác niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) hiện chưa thực hiện được. Nguyên nhân do Báo cáo tài chính năm 2018 và 2019 còn có những khoản ngoại trừ trọng yếu nên chưa đủ điều kiện niêm yết trên sàn HOSE.

- HĐQT đã xây dựng Chương trình, kế hoạch công tác năm 2019 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐQT ngày 09/7/2019) để thực hiện các mục tiêu nêu trong Nghị quyết 46/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019.

2.1.2. Công tác quản lý, quản trị VEAM

- Năm 2019, HĐQT đã ban hành kế hoạch, Chương trình hoạt động năm 2019. Triển khai các nhiệm vụ cụ thể, gồm: tiếp tục ban hành các quy chế, quy định nội bộ làm cơ sở cho việc quản lý, điều hành các hoạt động của VEAM; sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến công tác nhân sự tiền lương tại Quy chế nội bộ VEAM; đã kiện toàn bộ máy tổ chức, thành lập phòng Nhân sự - Tiền lương; các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, gồm:

+ Tiểu ban Chiến lược có chức năng, nhiệm vụ giúp HĐQT trong việc hoạch định chiến lược sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển của VEAM;

+ Tiểu ban Nhân sự có chức năng, nhiệm vụ giúp HĐQT trong việc chuẩn bị nhân sự và xử lý các vấn đề liên quan đến nhân sự HĐQT, Ban Kiểm soát và các nhân sự thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, hoặc cho ý kiến chấp thuận. Năm 2019, Tiểu ban Nhân sự đã hoạt động tích cực, tham mưu HĐQT về

việc điều chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm các vị trí nhân sự, giúp phát huy được năng lực của các cá nhân;

- + Tiểu ban Kiểm toán có chức năng, nhiệm vụ giúp HĐQT trong việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

Các tiểu ban đã phát huy vai trò thẩm định, tham mưu HĐQT trong công tác quản trị, giám sát hoạt động điều hành đảm bảo tính khách quan, độc lập trong các quyết định của HĐQT.

- Thực hiện các kế hoạch tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; thực hiện giám sát tài chính tại 03 chi nhánh và các đơn vị 100% vốn VEAM.

- Về công tác nhân sự: Hội đồng quản trị đã tiến hành bãi nhiệm/miễn nhiệm đối với những người không hoàn thành nhiệm vụ được giao, bổ sung nhân sự có kinh nghiệm, năng lực cho các đơn vị hoạt động kinh doanh yếu kém nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- + Trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 bầu bổ sung 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Tiến Vy, đồng thời bãi nhiệm thành viên HĐQT, Tổng giám đốc VEAM đối với ông Trần Ngọc Hà;

- + Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc đối với ông Lê Minh Quy;

- + Bãi nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc VEAM đối với ông Vũ Từ Công;

- + Bổ nhiệm, miễn nhiệm một số cán bộ giữ chức danh Người quản lý, người đại diện vốn VEAM tại các công ty con, công ty liên kết theo quy định.

- Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ trong việc chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Ban điều hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM.

2.2. Kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT

Trong năm 2019, các thành viên HĐQT đã nỗ lực thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao, đạt được kết quả cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành việc lập và triển khai thực hiện Chương trình, kế hoạch công tác của HĐQT năm 2019; tổ chức họp HĐQT đúng quy định; chỉ đạo lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản và email; kịp thời ban hành các nghị quyết, quyết định, thông báo của HĐQT; chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nghị quyết của HĐQT.

- Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc và trách nhiệm trong việc tham gia đóng góp ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; phối hợp thực hiện công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động SXKD, góp phần hoàn thành kế hoạch do ĐHĐCĐ 2019 thông qua.

- Các thành viên HĐQT đã có đóng góp tích cực để hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu về lợi nhuận năm 2019.

2.3. Đánh giá chung

Năm 2019, HĐQT và các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt kết quả hoạt động theo kế hoạch đề ra. Bên cạnh những việc đã làm được trong năm 2019, HĐQT cũng nhận thấy còn một số tồn tại sau:

- Công tác đơn đốc việc thực hiện một số nội dung của nghị quyết HĐQT chưa quyết liệt, chưa có hình thức xử lý kịp thời như: Đề án tái cơ cấu VEAM, vấn đề sở hữu chéo giữa MATEXIM với DISOCO, giữa FUTU 1 với Cơ khí Vinh.

- Việc phê duyệt kế hoạch SXKD, doanh thu - chi phí, kế hoạch sử dụng vốn và tài sản ... của các chi nhánh và các công ty 100% vốn VEAM còn chậm so với kế hoạch.

- Việc triển khai niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán HOSE không thực hiện được so với kế hoạch.

3. Đánh giá tổng hợp các hoạt động của HĐQT năm 2019

- Thực hiện nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ 2019, quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ VEAM, HĐQT đã thông qua nhiều nghị quyết, quyết định quan trọng về quản lý vốn, tài sản; sản xuất kinh doanh và kiện toàn cơ cấu tổ chức, cụ thể:

- + Phê duyệt Chương trình, kế hoạch công tác năm 2019 của HĐQT;

- + Tổ chức 12 phiên họp HĐQT để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các phiên họp đều có sự tham gia, giám sát của Ban Kiểm soát. Một số phiên họp HĐQT được mở rộng với sự tham gia của Ban điều hành, tổ chức Công đoàn và lãnh đạo các phòng/ban, đơn vị chuyên môn nghiệp vụ có liên quan;

- + Tổ chức 104 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT để xem xét giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT;

- + Ban hành 101 nghị quyết và 97 quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT về các vấn đề: nhân sự, tổ chức, chủ trương đầu tư, định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh và các vấn đề quan trọng khác của VEAM;

- + Ban hành Quy chế đánh giá và xếp loại người điều hành; Quy chế trả lương, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát; Quy chế trả lương, thù lao Văn phòng VEAM; Quy chế đầu tư tài chính ngắn hạn ... nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý điều hành, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của VEAM;

- + Sửa đổi quy định liên quan đến công tác nhân sự tiền lương tại quy chế quản lý nội bộ VEAM;

- + Sửa đổi, bổ sung, ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà máy ô tô VEAM, Nhà máy Đúc (Chi nhánh VEAM), Chi nhánh VEAM tại Thành phố

Hồ Chí Minh, Chi nhánh VEAM tại Nghệ An; ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động của Viện Công nghệ;

- + Phê duyệt chủ chương thành lập Bộ phận kiểm toán nội bộ;

- + Phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2019 của Công ty mẹ, các chi nhánh và các đơn vị 100% vốn VEAM.

- HĐQT phối hợp với Ban Kiểm soát duy trì việc kiểm tra, giám sát hoạt động VEAM theo quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM.

- Năm 2019, HĐQT VEAM đã thực hiện giám sát tài chính năm 2019 đối với 05 đơn vị 100% vốn VEAM và 03 chi nhánh, bao gồm: TAMAC, Trần Hưng Đạo, SVEAM, DISOCO, Viện Công nghệ, Chi nhánh Nghệ An, Chi nhánh Đức VEAM, Nhà máy ô tô VEAM và giám sát lao động tiền lương tại Văn phòng VEAM. Theo đó, các Tổ giám sát đã thực hiện việc đánh giá, giám sát tài chính theo Quy chế giám sát tài chính VEAM, đồng thời đưa ra các kiến nghị nhằm giúp các đơn vị được giám sát chấn chỉnh kịp thời các sai phạm, khuyết điểm, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư.

*** Đánh giá chung:**

- Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu: Doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận sau thuế vượt chỉ tiêu do ĐHĐCĐ 2019 đề ra. Riêng, chỉ tiêu về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty mẹ chưa đạt mục tiêu.

- Về công tác quản lý, chỉ đạo: Đã có sự chỉ đạo khá kịp thời, sát sao các hoạt động SXKD theo hướng phát triển các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của thị trường, hợp tác với các công ty có thương hiệu và uy tín, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, đầu tư (đặc biệt đối với công tác quản lý vốn và tài sản).

- Công tác giám sát, kiểm tra: Đã được tổ chức triển khai đồng bộ hơn, thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ VEAM.

4. Đánh giá giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và những người quản lý VEAM năm 2019

4.1. Ưu điểm

Năm 2019 là năm thứ 3 VEAM hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, HĐQT ghi nhận những cố gắng của Ban điều hành VEAM bao gồm Tổng giám đốc và những người quản lý khác, một số kết quả đạt được như sau:

- Ban điều hành đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT và triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Chủ động điều hành bám sát các mục tiêu, kế hoạch của ĐHĐCĐ 2019 trên cơ sở Điều lệ, các quy chế quản trị, quản lý nội bộ và các nghị quyết của HĐQT.

- Đã tổ chức, sắp xếp lại bộ máy điều hành, phân công nhiệm vụ, quy định chức năng nhiệm vụ theo hướng cụ thể, chuyên nghiệp.

- Tổng giám đốc đã chủ động báo cáo HĐQT xem xét, xử lý những tồn tại trong quá trình quản lý, điều hành từ các năm trước đây.

- Quỹ tiền lương, thù lao năm 2019 của HĐQT được thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019 (ngày 30/6/2019) phê duyệt; đảm bảo các quy định pháp luật về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với HĐQT VEAM (thực hiện chi trả tiền lương, thù lao năm 2019 của HĐQT và Ban Kiểm soát bằng 91,2% tổng mức được ĐHĐCĐ 2019 phê duyệt).

4.2. Tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác điều hành, Ban điều hành VEAM cũng cần quan tâm nhiều hơn nữa đến một số vấn đề như sau:

- Công tác chuẩn bị kế hoạch SXKD hàng năm của Công ty mẹ và các công ty con trình HĐQT phê duyệt còn chậm, chưa đúng thời hạn như quy định. Một số kế hoạch SXKD của các đơn vị khi trình vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu về nội dung.

- Chưa có các giải pháp hữu hiệu và kịp thời hỗ trợ các đơn vị giải quyết tình trạng thua lỗ, sụt giảm doanh thu.

- Công tác thu hồi các khoản công nợ cũ đã có những kết quả nhất định, tuy nhiên, dư nợ vẫn còn cao, cần tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường trong năm 2020.

- Một số nghị quyết của HĐQT chưa được Ban điều hành thực hiện triệt để. Theo đó:

+ Chưa thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong các Báo cáo giám sát tài chính đã được HĐQT phê duyệt và chưa báo cáo HĐQT kết quả thực hiện;

+ Việc tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan đối với những vi phạm khuyết điểm trong sản xuất, kinh doanh (đặc biệt là lô hàng 1.500 xe Changan, nhà máy VEAM Motor), thu hồi công nợ tại Công ty mẹ, các công ty con, công ty liên kết chưa đảm bảo yêu cầu của HĐQT.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

Trong 4 tháng đầu năm 2020, ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 trên toàn cầu, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, bị ảnh hưởng nghiêm trọng trên tất cả các lĩnh vực: Sản xuất, thương mại, vận tải..., điều này ảnh hưởng trực tiếp đến các lĩnh vực hoạt động của VEAM.

Căn cứ kết quả thực hiện 2019 và thực trạng của VEAM, HĐQT xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2020 cụ thể như sau:

1. Xây dựng, triển khai thực hiện các chỉ tiêu chính

Các chỉ tiêu chính của Công ty mẹ và các Công ty con được xây dựng, trình ĐHCĐ thường niên 2020 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	So sánh (%)	
				(4)/(2)	(4)/(3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.398	685,4	1.170,6	49%	171%
+ Sản xuất công nghiệp	1.598	628,7	970,6	61%	154%
+ Thương mại, dịch vụ	800	56,7	200	25%	353%
2. Doanh thu tài chính	7.243	7.827	7.580	105%	97%
3. Lợi nhuận sau thuế (*)	6.402	7.043	6.741	105%	96%
4. Lợi nhuận/vốn điều lệ	48,2%	53,0%	50,7%	-	-

(*) Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đã trích lập dự phòng khoản phải thu là các khoản VEAM đã hỗ trợ tài chính (cho vay) đối với các đơn vị có vốn góp của VEAM.

2. Về công tác quản trị

Trong năm 2020, HĐQT VEAM sẽ triển khai thực hiện các công việc sau:

2.1. Công tác tái cơ cấu, bàn giao sang công ty cổ phần, niêm yết trên sàn

- Hoàn chỉnh hồ sơ thực hiện bàn giao giữa công ty TNHH 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần đối với Công ty mẹ.

- Hoàn thiện Đề án tái cơ cấu VEAM và triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu Công ty mẹ và các công ty con nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, sản xuất, kinh doanh:

+ Chỉ đạo người đại diện vốn VEAM tại các công ty cổ phần thực hiện đăng ký công ty đại chúng, niêm yết trên sàn chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch Upcom nếu đủ điều kiện theo Thông tư 13/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính;

+ Tăng vốn điều lệ một số công ty cổ phần như: MATEXIM, FOMECO cho phù hợp với quy mô hoạt động và định hướng phát triển. Tiếp tục khắc phục tình trạng sở hữu chéo giữa FUTU1 - Cơ khí Vinh, DISOCO - MATEXIM;

+ Thực hiện sắp xếp, điều chỉnh mô hình, cơ cấu vốn tại các chi nhánh, công ty con, công ty liên kết theo hướng tối ưu hóa hiệu quả hoạt động. Thoái vốn VEAM tại các đơn vị hoạt động không hiệu quả và các công ty không nằm trong chiến lược phát triển của VEAM.

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để niêm yết cổ phiếu VEAM trên sàn chứng khoán.

- Phối hợp với Bộ phận đại diện vốn nhà nước tại VEAM thực hiện kế hoạch thoái vốn nhà nước tại VEAM theo quy định.

2.2. Công tác quản trị, giám sát

- Kiện toàn Bộ phận Kiểm toán nội bộ.
- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành các nội quy, quy chế nội bộ để quản lý và điều hành VEAM theo điều lệ và quy định của pháp luật.
- Duy trì họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT tại các cuộc họp trực tiếp hoặc bằng văn bản.
- Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành quản trị VEAM theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát của HĐQT với các hoạt động quản lý tài chính, sản xuất, kinh doanh của VEAM và các chi nhánh, công ty con, đảm bảo kiểm soát được các rủi ro và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ, kịp thời đối với các hoạt động của Tổng giám đốc và người quản lý khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ VEAM và các quy chế nội bộ của VEAM. Chỉ đạo, giám sát việc khắc phục các tồn tại của Ban điều hành trong năm 2019.
- Tổ chức phê duyệt kịp thời các kế hoạch sản xuất, kinh doanh, đầu tư của các đơn vị 100% vốn VEAM, các chi nhánh, kế hoạch chi phí của các phòng, ban trực thuộc Công ty mẹ theo đúng quy định.
- Thực hiện đúng các quy định về phân phối, sử dụng tiền lương, thù lao của Người quản lý, người lao động VEAM.

3. Công tác lập kế hoạch

HĐQT chủ động, thực hiện kế hoạch, chương trình công tác của HĐQT theo nội dung Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 3 năm 2020 của HĐQT về việc ban hành chương trình, kế hoạch công tác năm 2020 của HĐQT.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch năm 2020. HĐQT rất mong nhận được sự đồng hành, giúp đỡ của các Quý cổ đông và toàn thể người lao động nhằm thực hiện tốt các mục tiêu ĐHCĐ năm 2020 đề ra, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các cổ đông và người lao động./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Quang Chuyên

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) đã được Đại hội đồng cổ đông VEAM (ĐHĐCĐ) thông qua ngày 29/6/2018;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ VEAM ngày 30/6/2019;

Ban kiểm soát (BKS) xin báo cáo trước ĐHĐCĐ kết quả công tác kiểm tra, giám sát năm 2019 và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2020 như sau:

**Phần I
KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2019**

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Về tổ chức

Ban kiểm soát VEAM có 03 thành viên, được phân công như sau: 01 Trưởng ban phụ trách chung và 02 thành viên thực hiện nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ đã được Ban KS thông qua và theo dõi các hoạt động khác do Trưởng ban giao.

Nhân sự BKS gồm:

- + Bà Vũ Thị Hồng Hạnh - Trưởng ban;
- + Bà Nguyễn Thị Diên - Thành viên chuyên trách;
- + Bà Lê Thị Thanh Bình - Thành viên kiêm nhiệm.

2. Hoạt động của từng thành viên BKS

2.1. Hoạt động của Trưởng ban kiểm soát (Vũ Thị Hồng Hạnh)

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VEAM; Việc triển khai thực hiện và kết quả thực hiện Nghị quyết của cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Kiểm tra, thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của VEAM; Sự tuân thủ các chế



độ chính sách hiện hành về tài chính kế toán, thẩm tra Báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá tính trung thực và chính xác của các số liệu tài chính, phù hợp các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành.

Giám sát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin theo các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo các thông tin đến với cổ đông được đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ với cổ đông (chi trả cổ tức năm 2018) để đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông.

Tham gia giám sát tài chính của VEAM tại Nhà máy ô tô VEAM, Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam (SVEAM), Nhà máy Đúc, Chuyên đề tiền lương của Văn phòng TCT.

2.2. Hoạt động của thành viên chuyên trách (Nguyễn Thị Diên)

Giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VEAM; việc triển khai thực hiện và kết quả thực hiện Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Tham gia thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và báo cáo năm.

Xem xét, kiểm tra doanh thu, công nợ, hàng tồn kho.

Xem xét, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Giám sát đánh giá việc tuân thủ chính sách thuế, tài chính.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM.

Tham gia giám sát tài chính tại Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công, Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo, Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp, Viện Công nghệ và Nhà máy ô tô VEAM.

2.3. Hoạt động của thành viên kiêm nhiệm (Lê Thị Thanh Bình)

Giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VEAM.

Tham gia thẩm định báo cáo tài chính bán niên và báo cáo năm.

Tham gia xem xét giám sát tình hình sản xuất kinh doanh 2019.

Kiểm soát việc tuân thủ các quy chế của người đại diện phần vốn tại các công ty và các quy trình nội bộ của VEAM.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2019, BKS họp 03 lần và 05 lần gửi thư điện tử lấy ý kiến của các thành viên:

- Hợp thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 Công ty mẹ, Hợp nhất và thông qua nội dung dự thảo Báo cáo của Ban kiểm soát trình cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên 2019;

- Hợp thông qua nội dung lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của VEAM; Cử các thành viên tham gia các đoàn giám sát tài chính tại Nhà máy Ô tô VEAM, Nhà máy Đức, Viện Công nghệ và các công ty TNHH MTV;

- Hợp đánh giá kết quả hoạt động và mức độ hoàn thành công việc được giao của các thành viên Ban kiểm soát trong năm 2019;

- Hợp với phòng KTTC và các công ty Kiểm toán về các vấn đề còn tồn tại của Công ty mẹ và các Chi nhánh trong lập báo cáo tài chính năm 2018 và soát xét báo cáo bán niên năm 2019;

- BKS đã hoạt động bám sát các nội dung được thông qua tại kỳ ĐHĐCĐ thường niên; các quy định tại Điều lệ VEAM, Pháp luật nhà nước và các quy chế, nghị quyết, quyết định của VEAM;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban Ban Tổng giám đốc VEAM; tham gia ý kiến và đưa ra những kiến nghị với HĐQT và Ban Tổng giám đốc về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của VEAM.

4. Kết quả giám sát

4.1. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT

HĐQT gồm có 06 thành viên (một thành viên độc lập HĐQT). Trong năm 2019, HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế để thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của VEAM, cụ thể:

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT để các thành viên tập trung thực hiện các công việc của VEAM có liên quan đến lĩnh vực cá nhân thành viên đó phụ trách.

- Ban hành Chương trình, kế hoạch công tác năm 2019 của HĐQT.

- Ban hành, thay thế, sửa đổi các quy chế và các quy định cho phù hợp với tình hình hoạt động của VEAM:

- + Quy chế trả lương thù lao VP Công ty mẹ thay thế Quy chế đã ban hành năm 2017;

- + Quy chế Tổ chức và hoạt động Chi nhánh Nhà máy Đức thay thế Quy chế đã ban hành năm 2017;

- + Quy chế Tổ chức và hoạt động Chi nhánh Nhà máy ô tô VEAM thay thế Quy chế đã ban hành năm 2017;

+ Sửa đổi Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi của VEAM;

+ Quy chế Tổ chức hoạt động Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Quy chế Tổ chức hoạt động Chi nhánh Nghệ An;

+ Quy chế đánh giá, xếp loại người điều hành;

+ Quy chế trả lương, thù lao HĐQT, BKS;

+ Quy chế đầu tư tài chính ngắn hạn;

+ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ.

- Ban hành 101 Nghị quyết và 97 Quyết định về nhân sự, tổ chức, chủ trương đầu tư, định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT (trong đó: Quyết định số 08/QĐ-HĐQT ngày 29/3/2019 của HĐQT về việc bãi nhiệm chức danh TGD với ông Trần Ngọc Hà).

Thông qua quá trình giám sát các hoạt động của HĐQT, BKS đánh giá: HĐQT VEAM trong năm đã thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VEAM và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể:

- HĐQT đã chỉ đạo và triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ;

- HĐQT đã thực hiện vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của VEAM;

- Ban hành Quyết định số 05 ngày 22/02/2019 thành lập phòng Nhân sự - Tiền lương;

- Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về kiểm toán nội bộ áp dụng đối với các công ty niêm yết và công ty có vốn nhà nước từ 50% trở lên, HĐQT đã có Nghị quyết số 74 ngày 09/9/2019 về việc chủ trương thành lập Bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định;

- Năm 2019, HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp, ngoài ra, Chủ tịch HĐQT cũng đã tổ chức thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT đối với các nội dung không cần thiết phải tổ chức cuộc họp trực tiếp;

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng và thẩm quyền của HĐQT.

Một số tồn tại, hạn chế trong hoạt động năm 2019:

- Một số các quy chế quy định chưa được ban hành theo chương trình, kế hoạch công tác của HĐQT như: Quy chế quản lý nợ; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản Công ty mẹ....)

- KHXSĐ năm phê duyệt chưa kịp thời.

- Chưa đảm bảo các điều kiện để niêm yết cổ phiếu VEAM trên sàn HOSE.

- Chưa xem xét tái cơ cấu các đơn vị lỗ kéo dài nhiều năm.

- Chưa chỉ đạo quyết liệt việc giải quyết tình trạng hoạt động SXKD thua lỗ, mất an toàn tài chính tại một số đơn vị và các chi nhánh; trong việc tiêu thụ hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô VEAM và VPTCT, việc triển khai lắp ráp và tiêu thụ lô 1.500 xe Changan.

- Việc chi trả cổ tức thực hiện chậm so với quy định tại khoản 4 Điều 132 luật doanh nghiệp 2014.

- Chưa chỉ đạo, làm rõ các tồn tại về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

4.2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Trong năm 2019, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT liên quan đến các mặt hoạt động của VEAM, thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VEAM.

- Ban Tổng Giám đốc cũng đã ban hành, sửa đổi một số các quy chế, quy trình, quy định để áp dụng trong công tác quản trị, quản lý nhằm phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của VEAM; Trong năm 2019, Ban TGDĐ đã ban hành và thay thế 03 Quy chế: Quy chế dân chủ cơ sở thay thế Quy chế đã ban hành 2017; Quy chế Đại lý bán xe ô tô Changan; Quy chế Đại lý bán máy nông nghiệp. Ban hành hai quy định: Quy định về trình bày văn bản của VEAM; Quy định về tiêu chuẩn trang thiết bị và phương tiện làm việc; Ban hành Điều lệ công ty SVEAM thay thế điều lệ đã ban hành năm 2017.

- Giao các đơn vị chủ động xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, các giải pháp để hoàn thành kế hoạch được giao.

- Phối hợp với các tổ chức Đảng, đoàn thể trong VEAM để nâng cao hiệu quả điều hành và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Các tồn tại trong công tác điều hành:

+ Chưa có giải pháp tiêu thụ hàng tồn kho xe Euro 2 tại Nhà máy ô tô VEAM; hàng tồn kho ứ đọng nhiều năm và lô 1.500 xe changan tại VPTCT. Nhà máy ô tô VEAM chưa lựa chọn được đối tác chiến lược có triển vọng hợp tác lâu dài và có khả năng cạnh tranh trên thị trường;

+ Nhà máy ô tô VEAM chưa chuẩn hóa được hệ thống vật tư, hàng hóa; chưa có quy trình, quy định và hướng dẫn cụ thể trong việc lập và sử dụng mã vật tư, hàng hóa sẽ dẫn đến chênh lệch số liệu giữa sổ sách kế toán, kho và kiểm kê thực tế cuối năm;

+ Chưa xây dựng quy trình đánh giá công việc cho từng nhân viên và các chức danh để có cơ sở đánh giá phân tích chất lượng lao động, từ đó sắp xếp bố trí và sử dụng lao động một cách hợp lý;

+ Chưa tìm được đối tác và xây dựng phương án khai thác đưa vào sử dụng xưởng dập Nhà máy ô tô VEAM; chưa tăng cường công tác khảo sát, nghiên cứu thị trường, tích cực tìm kiếm khách hàng để bảo đảm sử dụng hết công suất máy móc, thiết bị đã đầu tư tại các chi nhánh nhằm cải thiện tình hình lỗ kinh doanh do chi phí khấu hao;

+ Việc giám sát hoạt động của các Chi nhánh chưa sát sao, dẫn đến một số các khoản chi phí liên quan đến Đại lý và các chương trình hỗ trợ bán hàng Nhà máy ô tô VEAM thực hiện chưa tuân thủ theo Quy chế và các quy định đã ban hành;

+ Chưa có các biện pháp quyết liệt giải quyết tình trạng hoạt động SXKD lỗ, không có hiệu quả của các Chi nhánh;

+ Trong năm, VEAM bị ấn định thuế nhập khẩu theo Công văn số 195/QĐ-HQHN ngày 05/3/2019 do khai sai mã HS với số tiền là 163,42 tỷ đồng và khoản phạt ấn định thuế NK là 82,87 tỷ đồng.

Các hoạt động điều hành cụ thể của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2019

a) Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Năm 2019, HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã có những chỉ đạo, cùng những nỗ lực trong công tác điều hành để thực hiện các chỉ tiêu tài chính theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, cụ thể kết quả đạt được:

Một số chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	Báo cáo hợp nhất năm 2019	Báo cáo Công ty mẹ 2019
1. Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	12.254,07	8.514,16
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7.414,99	7.088,22
3. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7.318,73	7.043,42

Kết quả hoạt động SXKD của Công ty con, Công ty liên doanh liên kết:

- Công ty con: 13 đơn vị (07 đơn vị lỗ, 06 đơn vị có lãi).

- Các công ty liên doanh liên kết có 07 đơn vị (02 đơn vị lỗ, 05 đơn vị lãi).

Báo cáo hợp nhất năm 2019 của VEAM chỉ bao gồm 13 công ty con, 07 công ty liên doanh liên kết; Công ty TNHH Mekong Auto VEAM năm giữ 18% chưa được đưa vào báo cáo hợp nhất năm 2019 do niên độ kế toán tài chính bắt đầu từ 1/7 năm trước đến 30/6 năm sau.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ: Lắp ráp ô tô, các sản phẩm đúc, hoạt động kinh doanh thương mại khác, lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia từ khoản đầu tư tài chính tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

b) Công tác tài chính kế toán

Báo cáo tài chính Công ty mẹ được kiểm toán và áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014-BTC.

Báo cáo hợp nhất được kiểm toán và lập theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Công tác quản trị, hệ thống kế toán quản trị thực hiện chưa tốt.

Công tác quản lý tài chính - thu hồi công nợ - hạch toán kế toán:

- Đến 31/12/2019, các khoản phải thu Công ty mẹ 4.163,85 tỷ đồng (trong đó: phải thu khách hàng 403,99 tỷ đồng, dự phòng khó đòi: 341,96 tỷ đồng, phải thu cổ tức lợi nhuận từ các đơn vị: 2.936 tỷ đồng); công tác thu hồi công nợ được thực hiện thường xuyên, nợ phải thu khách hàng khó đòi đã thu được 5,05 tỷ đồng; các khoản hỗ trợ vốn cho các công ty con đã thu được 23,83 tỷ đồng;

- Ngày 31/12/2019, hàng tồn kho 1.484 tỷ đồng (trong đó: dự phòng giảm giá hàng tồn kho 214,71 tỷ đồng). Do chưa xác định được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho ứ đọng từ các năm trước nên chưa trích lập đủ dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31/12/2019 theo quy định;

- Trong năm 2019, VEAM cũng chưa hoàn thành xong quyết toán cổ phần hoá và bàn giao tài chính sau cổ phần hoá;

- Thực hiện chế độ hạch toán kế toán, hệ thống mẫu biểu báo cáo theo đúng quy định.

c) Công tác thị trường

Tham gia một số hội chợ, triển lãm quảng cáo giới thiệu sản phẩm; tiếp tục quảng cáo trên VOV giao thông cho xe tải Changan và xe tải VEAM để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm..., tuy nhiên hiệu quả chưa cao, tổ chức tiêu thụ sản phẩm máy nông nghiệp chưa đạt hiệu quả; việc triển khai lắp ráp và tiêu thụ ô tô changan vẫn còn chậm, dẫn tới vòng quay vốn kéo dài.

d) Công tác đầu tư

Các công ty con: Các hạng mục đầu tư chủ yếu theo kế hoạch được phê duyệt; Dự án di chuyển và xây mới Công ty Cơ khí Trần Hưng Đạo chưa triển khai các hạng mục còn lại do chưa xác định được hiệu quả khai thác. Dự án di chuyển của Công ty TAMAC chưa triển khai do phụ thuộc nguồn vốn hỗ trợ di dời và cần điều chỉnh mục tiêu sản phẩm.

e) Các mặt hoạt động điều hành khác

Công tác pháp chế, thông tin tuyên truyền, phong trào thi đua được VEAM thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VEAM.

II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

BKS thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty mẹ - VEAM kết thúc 31/12/2019 và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

1. Công tác hạch toán kế toán

Số liệu và hạch toán kế toán trên báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 về cơ bản phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành.

2. Về số liệu báo cáo quyết toán tài chính năm 2019

BKS thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2019 VEAM lập và đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán số 0976/VN1A-HN-BC ngày 31/3/2020.

3. Một số chỉ tiêu đánh giá trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty mẹ đã được kiểm toán như sau

3.1. Hệ số bảo toàn vốn

Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2019: 20.331 tỷ đồng, Vốn góp của CSH ngày 31/12/2019: 13.288 tỷ đồng.

Hệ số bảo toàn vốn: 1,53 lần, tại ngày 31/12/2019, VEAM bảo toàn và phát triển được vốn.

3.2. Hệ số nợ phải trả/vốn

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2019: 5.301 tỷ đồng.

Hệ số nợ phải trả/ Vốn CSH: 0,26 lần.

3.3. Hệ số khả năng thanh toán hiện thời

Tài sản ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2019: 21.504 tỷ đồng.

Nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2019: 5.275 tỷ đồng.

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: 4,07 lần, Công ty mẹ có hệ số khả năng thanh toán hiện thời > 1. Đảm bảo khả năng thanh toán nợ đến hạn

3.4. Khả năng sinh lời

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) : 31,75%

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH (ROE) : 53%

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty mẹ - VEAM gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh tài chính được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị được Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đồng thời phù hợp với các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC của VEAM năm 2019 được thông qua tại ĐHĐCĐ năm 2019.

Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty mẹ - VEAM và Báo cáo hợp nhất 2019: (trong Báo cáo tài chính 2019 đã được Tổng công ty công bố trên trang thông tin điện tử www.veamcorp.com)

Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán về các vấn đề nêu trong báo cáo tài chính công ty mẹ 2019, theo đánh giá của BKS là trọng yếu, vì các khoản mục nêu trên thay đổi sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2019.

Ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính Công ty mẹ - VEAM đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ - VEAM tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019, cơ bản phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2019

Việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2019 như sau:

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2019 (tỷ đồng)	Thực hiện 2019 (tỷ đồng)	So sánh TH/KH
1	Doanh thu BH và CCDV	2.398	685	28,56%
1.1	Doanh thu SXCN	1.598	610	38,17%
1.2	DT thương mại, dịch vụ	800	75	9,37%
2	Doanh thu tài chính	7.243	7.827	108,06%
3	Lợi nhuận sau thuế	6.402	7.043	110,01%
4	Cổ tức /VĐL	48,2%	52,524%	108,97%

=> Từ số liệu trên cho thấy: Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ - VEAM trong năm 2019 giảm so với với kế hoạch. Doanh thu SXCN không đạt so với kế hoạch do tập trung vào việc tiêu thụ hàng tồn kho Euro 2 của Nhà máy ô tô VEAM, nhưng tiêu thụ không đạt mục tiêu. Công tác quản lý và điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của VEAM chưa đạt hiệu quả.

- Việc chi trả tiền lương, thù lao năm 2019 cho HĐQT và BKS: đã thực hiện chi trả theo đúng mức đã được thông qua tại ĐHĐCĐ năm 2019, tổng số đã chi: HĐQT: 7.039.124.655 đồng; BKS: 2.335.275.345 đồng.

- Việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2019:

VEAM đã ký hợp đồng với **Công ty TNHH Deloitte Việt Nam** - Công ty đáp ứng đủ các tiêu chí được thông qua tại ĐHĐCĐ năm 2019 để thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài Công ty mẹ và hợp nhất năm 2019 của VEAM theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Ngày 21/01/2020, VEAM đã trả cổ tức 2018 cho các cổ đông theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

BKS nhất trí việc chi trả cổ tức năm 2019 theo tờ trình của HĐQT.

IV. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS, HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

BKS đã phối hợp với các đoàn kiểm tra của VEAM triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các chi nhánh hạch toán phụ thuộc, Viện Công nghệ, các công ty TNHH MTV cũng như tại bộ máy điều hành VEAM. Qua việc tham gia các cuộc kiểm tra, giám sát, BKS cũng đã có các ý kiến đóng góp với HĐQT và Ban điều hành để có những biện pháp xử lý kịp thời các vấn đề nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

HĐQT đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho BKS; Ban tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho BKS trong việc thu nhập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của VEAM khi có yêu cầu.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Các thành viên BKS đã thực thi đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ VEAM và Luật doanh nghiệp. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thể hiện tính trung thực, khách quan trong công việc. Tuy nhiên, trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi, hoạt động kinh doanh còn tiềm ẩn những rủi ro do cơ chế, con người ngoài tầm kiểm soát thì công tác kiểm soát cũng không tránh khỏi những tồn tại mà BKS cần phải quan tâm, nỗ lực và hoàn thiện hơn nữa.

Để đảm bảo công tác quản lý điều hành của VEAM được tốt hơn trong năm tới, cần tiếp tục duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành VEAM.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Công ty mẹ

a) Hội đồng quản trị

- Tiếp tục chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Bộ Công Thương;

- Có các biện pháp, giải pháp cụ thể rõ ràng quyết liệt, giải quyết triệt để các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán năm 2019, để có cơ sở thực hiện niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán;

- Xem xét điều chỉnh lại vốn điều lệ của các Công ty TNHH MTV; đảm bảo vốn điều lệ của các đơn vị phù hợp với các văn bản quy định Nhà nước và tình hình triển khai các dự án đầu tư thực tế của doanh nghiệp.

- Xem xét thống nhất Công ty Kiểm toán BCTC của Công ty mẹ sẽ Kiểm toán BCTC của các Công ty TNHH MTV và Viện Công nghệ, các công ty con để đảm bảo tính minh bạch, đồng nhất.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD và đầu tư tại các chi nhánh và các Công ty TNHH MTV. Kiểm soát chặt chẽ hơn nữa hoạt động của các công ty thành viên thông qua Bộ phận Kiểm toán nội bộ và người đại diện vốn góp của VEAM tại đơn vị.

- Tái cơ cấu, sắp xếp lại doanh nghiệp thuộc VEAM, đặc biệt đối với các đơn vị lỗ kéo dài nhiều năm mất an toàn về tài chính; đảm bảo sau tái cơ cấu, sắp xếp lại các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn.

- Rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định đã ban hành và các quy chế, quy định còn thiếu cho phù hợp với các quy định pháp luật.

- Phê duyệt KHSXKD kịp thời theo đúng quy định.

- Đối với các đơn vị có kết quả kinh doanh thua lỗ nhiều năm, mất vốn có biện pháp chỉ đạo xử lý; nếu có đủ điều kiện thì có thể sáp nhập, giải thể, phá sản theo quy định, đồng thời đưa vào diện giám sát đặc biệt.

- Quyết toán cổ phần hóa tại Công ty CPCK An Giang.

- Chỉ đạo Ban TGD khẩn trương quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ-TCT.

b) Ban giám đốc điều hành

- Thực hiện triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Trình hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch SXKD đúng thời hạn quy định.
- Tổ chức lắp ráp và tiêu thụ 1.500 xe Changan; Tránh việc kéo dài phương án xử lý dẫn tới việc sử dụng vốn không hiệu quả.
- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí đặc biệt là chi phí mua hàng hóa và NVL tại các Chi nhánh, đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Có biện pháp xử lý các khoản công nợ không có khả năng thu hồi.
- Tăng cường công tác giám sát, kiểm soát rủi ro trong việc thu hồi công nợ, đối chiếu công nợ. Rà soát các khoản nợ phải thu, phải trả; Thực hiện phân tích, phân loại nợ; Có các biện pháp tích cực đôn đốc thu hồi công nợ đặc biệt là các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ quá hạn thanh toán. Có biện pháp thu hồi các khoản hỗ trợ vốn cho các đơn vị, đảm bảo an toàn vốn và sử dụng vốn có hiệu quả.
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát hàng tồn kho, rà soát vật tư, hàng hóa tồn kho chậm luân chuyển, tồn nhiều năm tại Văn phòng VEAM, Nhà máy ô tô VEAM để có biện pháp xử lý thu hồi vốn, bảo toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Đẩy nhanh việc tiêu thụ hàng tồn kho đặc biệt là xe Euro 2 tại Chi nhánh - Nhà máy ô tô Thanh Hóa và các hàng hóa tồn kho tại VPTCT. Giám sát chặt chẽ giá mua vật tư hàng hóa tại VPTCT và Các chi nhánh. Cuối năm phải tiến hành kiểm kê tài sản, hàng hóa, công cụ dụng cụ theo quy định.
- Thuê công ty có uy tín thẩm định giá trị hàng tồn kho của Nhà máy ô tô VEAM để có cơ sở trích lập dự phòng sát với giá trị thực tế còn lại của hàng tồn kho; Việc đánh giá thị trường máy nông nghiệp chưa được thực hiện bài bản, chưa có số liệu tin cậy dẫn đến việc xem xét quyết định đầu tư kinh doanh thiếu cơ sở vững chắc, do vậy cần phải thuê các công ty khảo sát đánh giá thị trường chuyên nghiệp để có cơ sở xây dựng KHSXKD và đầu tư phát triển giai đoạn tới.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định nhất là quy chế đại lý và chính sách bán hàng của Nhà máy Ô tô Veam và Văn phòng VEAM.
- Trích lập các khoản dự phòng theo quy định.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ để làm căn cứ kiểm soát.
- Đưa các đơn vị lỗ, mất an toàn về tài chính vào diện giám sát đặc biệt.

2.2. Đối với các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Thông qua người đại diện vốn tại các Công ty con, công ty liên doanh, liên kết chỉ đạo:

- Thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Thanh tra Bộ Công Thương, các đoàn thanh, kiểm tra nhà nước và Tổng công ty.

- Rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định đã ban hành và các quy chế, quy định còn thiếu cho phù hợp với các quy định pháp luật.

- Đối với các dự án chuẩn bị đầu tư hoặc các dự án đang đầu tư: rà soát xem xét lại hiệu quả tránh gây lãng phí, thất thoát.

- Kiện toàn tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh tại các công ty thua lỗ, tập trung nguồn lực để giảm giá thành sản phẩm, giảm hàng tồn kho, giảm chi phí gián tiếp... nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị; Bảo toàn vốn.

- Tăng cường công tác đối chiếu, thu hồi công nợ; Kiểm soát hàng tồn kho tránh ứ đọng vốn.

- Trả nợ Tổng công ty các khoản hỗ trợ vốn và các khoản nợ khác.

- Xem xét, báo cáo biện pháp khắc phục các vấn đề đã bị Kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính năm 2019 đơn vị.

- Quyết toán dự án di dời của Công ty CPMK Vinh theo đúng quy định pháp luật.

Phần II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Căn cứ tình hình hoạt động của BKS năm 2019 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của VEAM năm 2020, BKS đề ra kế hoạch hoạt động năm 2020 như sau:

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ VEAM, Pháp luật nhà nước. Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của HĐQT có liên quan đến hoạt động của VEAM và các Quy chế quản lý nội bộ của VEAM;

- Tiếp tục kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư năm 2020. Kế hoạch tái cơ cấu các doanh nghiệp;

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT năm 2020.

- Theo dõi, kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra, của các cơ quan quản lý nhà nước;

- Tham gia đoàn kiểm tra, giám sát của VEAM tại các chi nhánh và các đơn vị thành viên. Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, với kiểm

soát viên tại các đơn vị, trong việc kiểm tra giám sát công tác quản lý tại các chi nhánh và các đơn vị có vốn góp của VEAM;

- Thực hiện các báo cáo theo quy định.

Trên đây là báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020 của BKS.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn Đại hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Vũ Thị Hồng Hạnh



Chm

Số: 469 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua các Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty Mẹ (Báo cáo tài chính riêng) và Báo cáo tài chính hợp nhất của VEAM cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Hội đồng quản trị VEAM kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán, bao gồm:

- 1) Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
- 2) Báo cáo của Kiểm toán độc lập;
- 3) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019;
- 4) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019;
- 5) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019;
- 6) Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2019.

Một số chỉ tiêu chính của Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2019 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất
I. Tổng tài sản	25.633.330	33.289.019
1. Tài sản ngắn hạn	21.504.762	22.987.032
2. Tài sản dài hạn	4.128.568	10.301.987
II. Nợ phải trả	5.301.691	6.450.958

Chỉ tiêu	BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất
1. Nợ ngắn hạn	5.275.638	6.300.047
2. Nợ dài hạn	26.053	150.911
III. Vốn CSH	20.331.639	26.838.061
IV. Kết quả kinh doanh		
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	685.356	4.487.653
2. Lợi nhuận trước thuế	7.088.222	7.414.994
3. Lợi nhuận sau thuế	7.043.429	7.318.738

Toàn bộ Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán (kèm theo) đã được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị VEAM đồng ý thông qua các Báo cáo tài chính nêu trên. Trong trường hợp cần thiết sẽ điều chỉnh Báo cáo tài chính năm 2019 đảm bảo quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Chuyên

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG
NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Quang Chuyễn	Chủ tịch	
Ông Vũ Quang Tâm	Thành viên	(Tạm đình chỉ chức vụ từ ngày 13 tháng 3 năm 2020)
Ông Ngô Văn Tuyển	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên	
Ông Lê Hữu Phúc	Thành viên	
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên	(Bầu ngày 30 tháng 6 năm 2019)
Ông Trần Ngọc Hà	Thành viên	(Bãi nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Văn Tuyển	Quyền Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Quy	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2019)
Ông Trần Ngọc Hà	Tổng Giám đốc	(Bãi nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019)
Ông Vũ Từ Công	Phó Tổng Giám đốc	(Bãi nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Văn Tuyển
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của một số hàng tồn kho với số tiền là 176.594.643.926 VND (tại 31 tháng 12 năm 2018: 173.017.444.053 VND). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nói trên một cách hợp lý, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để xác định dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập là đầy đủ và thích hợp hay không. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh dự phòng giảm giá hàng tồn kho hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan khác trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của một số hàng tồn kho tại Nhà máy Ô tô VEAM - chi nhánh của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 1.064.717.371.121 VND và đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 207.344.509.330 VND trên Bảng cân đối kế toán và ghi nhận chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 170.812.756.289 VND trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019. Tuy nhiên, kiểm toán viên tiền nhiệm không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về sự giảm giá của hàng tồn kho này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề này đối với báo cáo tài chính của Nhà máy Ô tô VEAM - chi nhánh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Do số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng có thể có đến chỉ tiêu lợi nhuận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối đầu năm trong Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Thuyết minh số 24 và Thuyết minh số 28 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu bán 450 xe Mighty 2017 trong năm 2018 với số tiền là 261.818.181.900 VND, giá vốn và chi phí bán hàng liên quan tương ứng là 229.707.416.374 VND và 1.627.700.850 VND nhưng toàn bộ xe được bàn giao trong năm 2019. Điều này là không phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc ghi nhận doanh thu này từ quyết định của Ban Tổng Giám đốc ở niên độ trước và đã dẫn đến việc kiểm toán viên tiền nhiệm phải đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty của niên độ đó. Nếu doanh thu trên được ghi nhận đúng kỳ, các chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ", "Giá vốn hàng bán", "Chi phí bán hàng" và "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 của Tổng Công ty sẽ tăng thêm với số tiền lần lượt là 261.818.181.900 VND, 229.707.416.374 VND, 1.627.700.850 VND và 6.096.612.935 VND. Đồng thời, trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay" sẽ lần lượt giảm đi và tăng thêm với cùng một số tiền là 24.386.451.741 VND.

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 25 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu về hỗ trợ vốn và phải thu về lãi hỗ trợ vốn tương ứng với số tiền lần lượt là 546.180.303.728 VND và 74.658.024.408 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 570.944.647.292 VND và 75.490.785.012 VND) và thực hiện ghi nhận lãi phát sinh từ việc hỗ trợ vốn tương ứng với số tiền là 1.367.015.737 VND (năm 2018: 2.730.106.740 VND). Kiểm toán viên tiền nhiệm không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi các khoản phải thu nêu trên cũng như việc tiếp tục ghi nhận lãi phát sinh từ việc hỗ trợ vốn tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng năm 2018 và đã dẫn đến việc kiểm toán viên tiền nhiệm phải đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng của niên độ này. Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với các vấn đề này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Do đó, chúng tôi cũng không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính riêng hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 33 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty tại thời điểm Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 09 tháng 4 năm 2019 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0031-2018-001-1

Phan Ngọc Anh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1101-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2020
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.504.761.791.450	13.777.899.237.575
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.321.927.564.095	205.359.805.369
1. Tiền	111		116.617.564.095	148.970.539.414
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.205.310.000.000	56.389.265.955
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	10.670.661.616.953	8.618.390.954.308
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.670.661.616.953	8.618.390.954.308
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.161.129.059.854	3.327.313.360.593
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	403.993.576.668	869.011.309.392
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	193.908.736.141	174.220.584.978
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.894.684.603.856	2.608.355.988.707
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(341.961.446.937)	(326.920.156.012)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	9	10.503.590.126	2.645.633.528
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.269.435.209.163	1.565.820.616.488
1. Hàng tồn kho	141		1.484.149.433.929	1.602.352.369.529
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(214.714.224.766)	(36.531.753.041)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		81.608.341.385	61.014.500.817
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.461.378.669	1.873.839.353
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		74.017.202.658	54.610.174.473
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	6.129.760.058	4.530.486.991
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.128.567.823.556	4.948.672.001.488
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.735.000.000	620.586.067.292
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	2.735.000.000	48.876.150.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	-	571.709.917.292
II. Tài sản cố định	220		736.595.274.588	789.668.479.885
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	686.442.512.057	770.450.406.209
- Nguyên giá	222		1.370.093.270.777	1.342.076.564.402
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(683.650.758.720)	(571.626.158.193)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	50.152.762.531	19.218.073.676
- Nguyên giá	228		52.570.286.266	19.850.307.767
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.417.523.735)	(632.234.091)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	39.623.917.075
1. - Nguyên giá	231		-	57.450.728.754
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(17.826.811.679)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		57.116.237.793	60.097.804.473
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	57.116.237.793	60.097.804.473
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	3.280.437.079.978	3.362.497.815.168
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.791.819.550.877	2.793.088.901.590
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		707.098.071.180	691.688.117.180
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.001.060.828	27.170.823.616
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(229.481.602.907)	(149.450.027.218)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		51.684.231.197	76.197.917.595
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	51.684.231.197	76.197.917.595
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		25.633.329.615.006	18.726.571.239.063

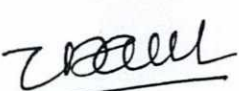
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.301.690.644.009	213.366.643.077
I. Nợ ngắn hạn	310		5.275.637.852.435	202.571.919.689
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	11.857.336.331	54.703.064.953
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.643.434.871	7.979.164.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	7.261.607.782	34.252.861.069
4. Phải trả người lao động	314		20.284.775.547	7.408.640.868
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	27.816.131.751	37.347.750.732
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	2.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	5.190.764.647.956	57.207.528.945
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.800.000.000	3.534.736.744
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.209.918.197	136.172.260
II. Nợ dài hạn	330		26.052.791.574	10.794.723.388
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	26.052.791.574	10.794.723.388
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.331.638.970.997	18.513.204.595.986
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	20.331.449.802.997	18.512.454.595.986
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.043.449.802.997	5.224.454.595.986
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		20.931.753	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.043.428.871.244	5.224.454.595.986
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		189.168.000	750.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		189.168.000	750.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		25.633.329.615.006	18.726.571.239.063


Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập biểu


Văn Đình Quân
Kế toán trưởng




Ngô Văn Tuyển
Quyền Tổng Giám đốc

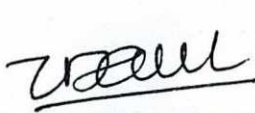
Ngày 31 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	685.361.586.209	2.927.109.085.465
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.442.364	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		685.356.143.845	2.927.109.085.465
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	1.022.862.787.969	2.722.794.840.214
5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(337.506.644.124)	204.314.245.251
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	7.827.342.119.801	5.494.790.932.152
7. Chi phí tài chính	22	26	80.185.597.553	148.112.599.147
8. Chi phí bán hàng	25	28	33.893.955.769	105.618.027.831
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	191.218.111.353	185.795.382.924
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		7.184.537.811.002	5.259.579.167.501
11. Thu nhập khác	31		1.466.170.367	1.460.525.400
12. Chi phí khác	32	29	97.782.466.951	10.417.787.434
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(96.316.296.584)	(8.957.262.034)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.088.221.514.418	5.250.621.905.467
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	44.792.643.174	26.167.309.481
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		7.043.428.871.244	5.224.454.595.986


Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập biểu


Văn Đình Quân
Kế toán trưởng




Ngô Văn Tuyển
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

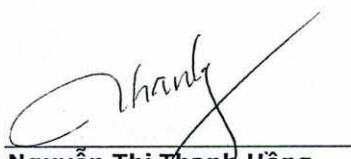
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.088.221.514.418	5.250.621.905.467
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		95.983.078.492	95.051.072.046
Các khoản dự phòng	03		271.520.601.595	104.881.590.724
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		75.379.101	(21.348.870)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7.826.571.500.003)	(5.493.884.901.287)
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(370.770.926.397)	(43.351.681.920)
Thay đổi các khoản phải thu	09		534.404.207.857	(1.779.003.085.294)
Thay đổi hàng tồn kho	10		118.202.935.600	1.237.002.541.241
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(62.667.150.046)	(2.026.382.851.474)
Thay đổi chi phí trả trước	12		24.926.147.082	6.578.768.157
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(58.240.874.221)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	15.410.206.262
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(55.630.094.618)	(1.525.493.986.637)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		130.224.245.257	(4.115.240.089.665)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.293.410.661)	(7.987.109.426)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.739.739.566.845)	(10.318.390.954.308)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.687.468.904.200	3.500.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(284.788.090.226)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.041.984.251.693	9.853.987.197.023
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.986.420.178.387	2.742.821.043.063

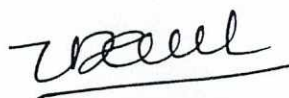
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(74.025.900)	(512.706.317.754)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(74.025.900)	(512.706.317.754)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	5.116.570.397.744	(1.885.125.364.356)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	205.359.805.369	2.090.605.939.937
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.639.018)	(120.770.212)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5.321.927.564.095	205.359.805.369


Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập biểu


Văn Đình Quân
Kế toán trưởng




Ngô Văn Tuyền
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020



**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG
NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 37

38
ÔNG
3 LI
GN
N
CP
O
D
V
MOC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Quang Chuyền	Chủ tịch	
Ông Ngô Văn Tuyền	Thành viên	
Ông Vũ Quang Tâm	Thành viên	(Tạm đình chỉ từ ngày 13 tháng 3 năm 2020)
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên	
Ông Lê Hữu Phúc	Thành viên	
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên độc lập	(Bầu ngày 30 tháng 6 năm 2019)
Ông Trần Ngọc Hà	Thành viên	(Bãi nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Văn Tuyền	Quyền Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Quy	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2019)
Ông Trần Ngọc Hà	Tổng Giám đốc	(Bãi nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019)
Ông Vũ Từ Công	Phó Tổng Giám đốc	(Bãi nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Văn Tuyền
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 26 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu về hỗ trợ vốn và phải thu về lãi hỗ trợ vốn tương ứng với số tiền lần lượt là 94.002.181.259 VND và 35.072.675.721 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 105.956.524.823 VND và 35.375.511.775 VND) và thực hiện ghi nhận lãi phát sinh từ việc hỗ trợ vốn tương ứng với số tiền là 662.899.191 VND (năm 2018: 695.109.820 VND). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi các khoản phải thu nêu trên cũng như việc tiếp tục ghi nhận lãi phát sinh từ việc hỗ trợ vốn tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của một số hàng tồn kho với số tiền là 249.944.764.270 VND (tại 31 tháng 12 năm 2018: 260.080.527.346 VND). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nói trên một cách hợp lý, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để xác định dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập là đầy đủ và thích hợp hay không. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh dự phòng giảm giá hàng tồn kho hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan khác trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 25 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của một số hàng tồn kho tại Nhà máy Ô tô VEAM - chi nhánh của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 1.064.717.371.121 VND và đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 207.344.509.330 VND trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và ghi nhận chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 170.812.756.289 VND trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2019. Tuy nhiên, kiểm toán viên tiền nhiệm không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về sự giảm giá của hàng tồn kho này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề này đối với báo cáo tài chính của Nhà máy Ô tô VEAM - chi nhánh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Do số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm của Tổng Công ty, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng có thể có đến chỉ tiêu lợi nhuận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối đầu năm trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Như trình bày tại Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, chi phí trả trước dài hạn của Tổng Công ty bao gồm chi phí trả trước dài hạn của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ - Công ty con của Tổng Công ty với tổng số tiền là 256.662.997.285 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 211.479.552.472 VND) phản ánh chi phí khấu hao, chi phí lãi vay và một số chi phí khác được vốn hóa của nhà máy sắt xộp phát sinh từ các năm trước. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để xác định việc vốn hóa các khoản chi phí trả trước nói trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục chi phí trả trước dài hạn và các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Thuyết minh số 25 và Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu bán 450 xe Mighty 2017 trong năm 2018 với số tiền là 261.818.181.900 VND, giá vốn và chi phí bán hàng liên quan tương ứng là 229.707.416.374 VND và 1.627.700.850 VND nhưng toàn bộ xe được bàn giao trong năm 2019. Điều này là không phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Việc ghi nhận doanh thu này từ quyết định của Ban Tổng Giám đốc ở niên độ trước và đã dẫn đến việc kiểm toán viên tiền nhiệm phải đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty của niên độ đó. Nếu doanh thu trên được ghi nhận đúng kỳ, các chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ", "Giá vốn hàng bán", "Chi phí bán hàng" và "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2019 của Tổng Công ty sẽ tăng thêm với số tiền lần lượt là 261.818.181.900 VND, 229.707.416.374 VND, 1.627.700.850 VND và 6.096.612.935 VND. Đồng thời, trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay" sẽ lần lượt giảm đi và tăng thêm với cùng một số tiền là 24.386.451.741 VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 33 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt chính thức biên bản quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty tại thời điểm Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 09 tháng 4 năm 2019 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Trần Thị Thủy Ngọc

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0031-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2020
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phan Ngọc Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1101-2018-001-1

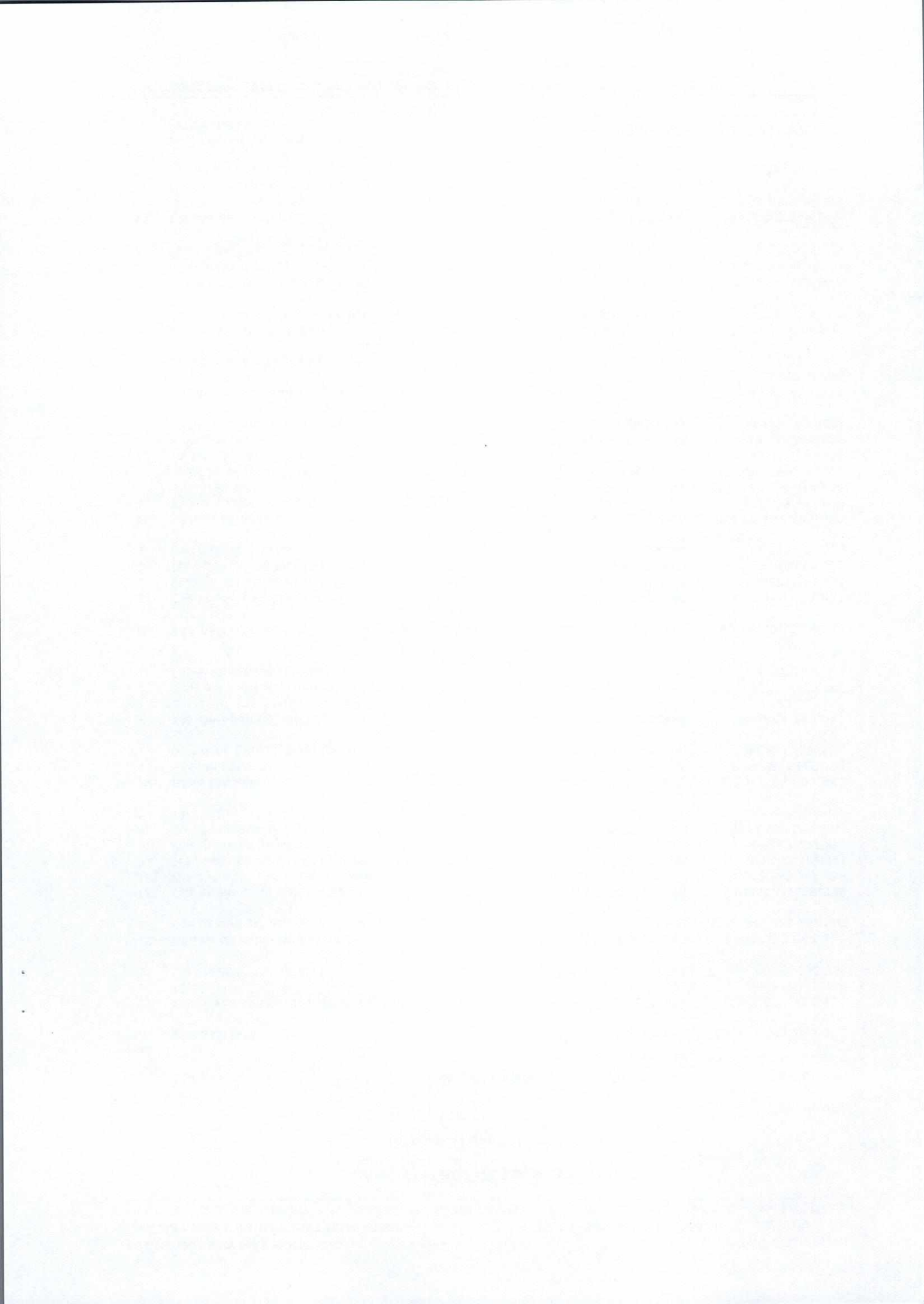
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.987.032.584.661	16.407.545.885.321
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.576.440.535.375	341.531.412.151
1.	Tiền	111		239.697.535.375	267.142.146.196
2.	Các khoản tương đương tiền	112		5.336.743.000.000	74.389.265.955
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	11.264.865.671.563	9.649.922.948.807
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		11.264.865.671.563	9.649.922.948.807
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.186.123.883.993	4.010.621.115.359
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	999.068.862.743	1.567.888.144.058
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	209.303.427.885	281.583.470.841
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.400.181.454.562	2.584.207.993.274
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(434.416.927.711)	(427.038.030.231)
5.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	9	11.987.066.514	3.979.537.417
IV.	Hàng tồn kho	140	11	1.825.857.633.837	2.305.795.663.982
1.	Hàng tồn kho	141		2.045.042.704.935	2.346.625.002.702
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(219.185.071.098)	(40.829.338.720)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		133.744.859.893	99.674.745.022
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.091.451.267	9.882.303.807
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		113.274.920.951	83.134.877.540
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	9.378.487.675	6.657.563.675
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.301.986.625.430	9.998.435.326.750
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		12.158.024.644	156.563.674.823
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	1.464.191.084	46.573.274.434
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	440.000.000	440.000.000
3.	Phải thu dài hạn khác	216	8	10.253.833.560	109.550.400.389
II.	Tài sản cố định	220		2.153.245.967.505	2.347.137.341.089
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.076.853.228.024	2.301.588.167.673
-	Nguyên giá	222		4.851.852.325.308	4.742.151.014.790
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.774.999.097.284)	(2.440.562.847.117)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	14	76.392.739.481	45.549.173.416
-	Nguyên giá	228		114.973.285.370	79.724.645.871
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38.580.545.889)	(34.175.472.455)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	39.623.917.075
-	Nguyên giá	231		-	57.450.728.754
-	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(17.826.811.679)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		319.717.511.617	112.552.074.607
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	319.717.511.617	112.552.074.607
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.432.237.426.078	6.969.779.512.879
1.	Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	7.411.036.542.948	6.948.578.629.749
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	21.200.883.130	21.200.883.130
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		384.627.695.586	372.778.806.277
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	12	384.555.826.715	365.204.199.263
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		71.868.871	76.797.014
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	7.497.810.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		33.289.019.210.091	26.405.981.212.071
(270=100+200)					

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.450.958.437.382	1.556.403.251.390
I. Nợ ngắn hạn	310		6.300.047.268.542	1.398.652.891.088
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		409.667.678.852	446.653.431.054
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.490.157.582	35.111.464.256
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	38.561.022.861	52.445.220.502
4. Phải trả người lao động	314		198.222.585.957	188.301.226.788
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		37.325.823.337	47.833.423.702
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.606.575.348	2.793.198.359
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	5.308.844.364.949	183.846.996.273
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	180.489.696.322	384.022.426.818
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		12.798.765.679	9.958.724.534
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		87.040.597.655	47.686.778.802
II. Nợ dài hạn	330		150.911.168.840	157.750.360.302
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		484.044.412	501.822.190
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		9.231.969.671	9.570.757.559
3. Phải trả dài hạn khác	337	18	26.980.983.576	11.551.915.388
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	78.087.326.230	115.683.337.780
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		34.852.233.926	18.845.918.788
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.274.611.025	1.596.608.597
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.838.060.772.709	24.849.577.960.681
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	26.830.196.926.590	24.835.638.502.037
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		27.089.186.656	30.144.507.304
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(71.424.341.027)	(117.090.027.796)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		5.339.241.344	6.236.408.361
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.125.501.907	73.005.501.907
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.354.854.775.306	11.360.133.754.737
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.074.726.703.049	4.349.763.062.092
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.280.128.072.257	7.010.370.692.645
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		198.212.562.404	195.208.357.524
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		7.863.846.119	13.939.458.644
1. Nguồn kinh phí	431		(7.367.037.615)	(5.968.345.231)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		15.230.883.734	19.907.803.875
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		33.289.019.210.691	26.405.981.212.071


Lê Thị Thanh Thủy
Người lập biểu


Văn Đình Quân
Kế toán trưởng



Ngô Văn Tuyển
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

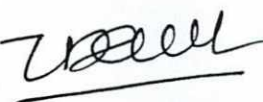
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	4.496.529.829.036	7.074.453.500.290
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	8.877.068.054	4.377.156.129
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	4.487.652.760.982	7.070.076.344.161
4. Giá vốn hàng bán	11	25	4.422.218.626.061	6.467.375.948.323
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		65.434.134.921	602.700.395.838
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	903.273.289.738	416.459.794.982
7. Chi phí tài chính	22	27	21.824.444.124	79.467.200.352
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.498.544.925	20.403.475.065
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24		7.126.005.022.966	6.851.950.846.895
9. Chi phí bán hàng	25	29	88.630.009.496	176.385.161.516
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	467.948.556.124	480.326.147.456
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		7.516.309.437.881	7.134.932.528.392
12. Thu nhập khác	31		7.143.764.478	10.573.415.142
13. Chi phí khác	32	28	108.459.637.982	19.281.097.903
14. Lỗ khác (40=31-32)	40		(101.315.873.504)	(8.707.682.761)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.414.993.564.377	7.126.224.845.631
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	80.244.390.369	60.142.622.428
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	16.011.243.281	18.850.846.931
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.318.737.930.727	7.047.231.376.272
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty mẹ	61		7.280.128.072.257	7.010.370.692.645
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của cổ đông không kiểm soát	62		38.609.858.470	36.860.683.627
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	5.479	5.188


Lê Thị Thanh Thủy
Người lập biểu


Văn Đình Quân
Kế toán trưởng


Ngô Văn Tuyển
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.414.993.564.377	7.126.224.845.631
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	329.643.690.159	291.719.858.633
Các khoản dự phòng	03	188.574.671.003	(16.054.586.757)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	14.692.105	35.731.815
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.026.548.776.610)	(7.265.838.934.632)
Chi phí lãi vay	06	18.498.544.925	20.403.475.065
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(854.296.911)
3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(74.823.614.041)	155.636.092.844
Thay đổi các khoản phải thu	09	702.041.056.143	(1.723.474.721.800)
Thay đổi hàng tồn kho	10	301.582.297.767	1.214.633.934.439
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(196.969.490.247)	(2.123.218.566.259)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(20.560.774.912)	(49.513.656.683)
Tiền lãi vay đã trả	14	(17.041.985.241)	(20.415.085.209)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(91.527.996.175)	(31.188.186.882)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	18.859.789.710
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(94.987.167.809)	(1.570.406.486.671)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	507.712.325.485	(4.129.086.886.511)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(185.362.618.864)	(195.783.586.339)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.546.167.320	4.312.991.832
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.494.284.657.071)	(11.740.106.044.534)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.879.483.994.426	4.242.200.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	720.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.788.810.683.122	10.192.240.538.957
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.991.193.568.933	2.503.583.899.916

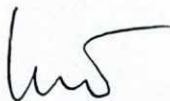
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

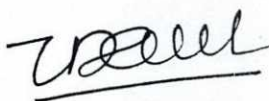
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	808.297.072.821	1.543.204.215.402
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.049.425.814.867)	(1.504.058.304.845)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.872.907.389)	(560.101.536.254)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(263.001.649.435)	(520.955.625.697)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	5.235.904.244.983	(2.146.458.612.292)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	341.531.412.151	2.488.042.051.083
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(995.121.759)	(52.026.640)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5.576.440.535.375	341.531.412.151



Lê Thị Thanh Thủy
Người lập biểu



Văn Đình Quân
Kế toán trưởng



Ngô Văn Tuyển
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

Số: 353/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc phân phối lợi nhuận năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 29/6/2018;

Căn cứ Báo cáo tài chính Công ty mẹ VEAM (Báo cáo tài chính riêng) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện
1	Lợi nhuận sau thuế	6.402.000.000.000	7.043.428.871.244
2	Tỷ suất Lợi nhuận/cổ phiếu	48,2%	53,0%
3	Lợi nhuận phân phối		7.043.370.228.000
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi NLĐ		62.138.583.000
	- Quỹ thưởng người quản lý		1.842.525.000
	- Chia cổ tức		6.979.389.120.000
	- Cổ tức 01 cổ phiếu		5.252,4
4	Lợi nhuận để lại		58.643.244

Cổ tức được chi trả bằng tiền.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Chuyên

Số: 470 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019
và thông qua kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2020, Quỹ khen thưởng
của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/6/2018;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 46/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2019;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và thông qua kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2020, Quỹ khen thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

I. QUYẾT TOÁN QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO THỰC HIỆN NĂM 2019

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và thực hiện Điều 5, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 46/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2019, việc chi trả thực tế tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 như sau:

Chức danh	Đơn vị	Lương và thù lao năm 2019		So sánh
		Kế hoạch	Thực hiện	
HĐQT, BKS	(triệu đồng)	10.281,6	9.375	91,2%

Kết quả thực hiện quỹ tiền lương, thù lao năm 2019 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chỉ bằng **91,2%** so với quỹ lương kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua ngày 30/6/2019.

II. KẾ HOẠCH QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO NĂM 2020

1. Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, dự kiến kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

TT	Chức danh	Mức lương, thù lao, phụ cấp hàng tháng (triệu đồng)	Kế hoạch năm 2020	
			Số người	Số tiền (triệu đồng)
1	Hội đồng quản trị:		7	6.955,2
	- TV HĐQT chuyên trách	126	4	6.048
	- TV HĐQT không chuyên trách, TV HĐQT độc lập	25,2	3	907,2
2	Ban Kiểm soát:		3	3.326,4
	- KSV chuyên trách	126	2	3.024
	- KSV không chuyên trách	25,2	1	302,4
	Tổng cộng		10	10.281,6

2. Trường hợp VEAM hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch thì cứ vượt 1% lợi nhuận, người quản lý công ty chuyên trách (TV HĐQT và KSV chuyên trách) được tính thêm 2% tiền lương, nhưng tối đa không quá 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch (căn cứ khoản 4, Điều 6 Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016). Do vậy, căn cứ kết quả thực hiện 2020 VEAM sẽ xem xét để trích lập bổ sung quỹ tiền lương theo đúng quy định.

3. Hội đồng quản trị VEAM quyết định mức tiền lương, thù lao cụ thể cho các chức danh theo quy định của pháp luật và của VEAM. Nếu có sự thay đổi về số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, thì quỹ lương sẽ được thay đổi tương ứng.

4. Quỹ khen thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 sẽ thực hiện theo mục 2, Điều 8 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Quang Chuyên

Số: 44/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc niêm yết cổ phiếu VEAM

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 14/10/2010;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Quy chế niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 85/QĐ-SDGHCM ngày 19/3/2018; Quyết định số 295/QĐ-SDGHCM ngày 30/7/2019 về sửa đổi, bổ sung Quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 85/QĐ-SGHCM;

Căn cứ Quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được ban hành theo Quyết định số 639/QĐ-SGDHN ngày 13/10/2016; Quyết định số 958/QĐ-SGDHN ngày 24/11/2017 về việc sửa, đổi bổ sung Quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định 639/QĐ-SGD; Quyết định số 345/QĐ-SGDHN ngày 05/6/2019 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định 639/QĐ-SGD;

Đại hội đồng cổ đông thường niên của VEAM năm 2019 đã phê duyệt việc niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (tại Điều 7 Nghị quyết số 46/NQĐHĐCD-VEAM ngày 30/6/2019), tuy nhiên trong năm 2019, VEAM chưa hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu VEAM tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh do chưa đáp ứng đầy đủ quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về ngoại trừ trọng yếu trong Báo cáo tài chính năm 2018 và 2019. Để tiếp tục triển khai việc niêm yết cổ phiếu VEAM, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong hoạt động và quản trị, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, nâng cao vị thế và thương hiệu VEAM trên thị trường, Hội đồng quản trị VEAM kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 xem xét:

1. Thông qua việc niêm yết cổ phiếu Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP, mã cổ phiếu VEA.

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền đề Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP thực hiện các thủ tục liên quan đến việc niêm yết cổ phiếu theo quy định của pháp luật liên quan;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP, VPHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Quang Chuyền

Số: 01 /TTr-BKS

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/6/2018 thông qua,

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ và các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

a) Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.

b) Là đơn vị hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2020.

c) Việc kiểm toán phải tuân thủ các quy định của chuẩn mực kế toán, hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực Kế toán quốc tế (IFRS).

d) Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Tổng công ty.

2. Đề xuất các Công ty kiểm toán

a) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte).

b) Công ty TNHH PWC Việt Nam.

c) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

d) Công ty TNHH KPMG.

e) Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

g) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

h) Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

3. Ý kiến của Ban kiểm soát

Với các đề xuất nêu trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát nêu tại mục 2 theo quy định pháp luật và giao Tổng giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Vũ Thị Hồng Hạnh

Số: 42/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị VEAM đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 6 năm 2018;

Hội đồng quản trị VEAM kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm 04 thành viên Hội đồng quản trị kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Chuyện

Số: 473/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 - 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2018,

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua việc bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 - 2022.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Chuyện

THÔNG BÁO

**Về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
và thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 - 2022**

Kính gửi: Quý Cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) thực tế, HĐQT đề nghị các Quý cổ đông chuẩn bị đề cử ứng viên để bầu bổ sung 03 thành viên HĐQT với quy định đề cử như sau:

1. Tiêu chuẩn:

a) Đối với các ứng viên đề cử thành viên HĐQT: Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 11 Quy chế nội bộ về quản trị VEAM (*Quy chế được công bố tại Website: www.veamcorp.com*).

b) Đối với các ứng viên đề cử thành viên độc lập HĐQT: Ngoài các tiêu chuẩn quy định đối với ứng viên đề cử thành viên HĐQT còn cần đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 11 Quy chế nội bộ về quản trị VEAM (*Quy chế được công bố tại Website: www.veamcorp.com*).

2. Số lượng, cơ cấu và quyền đề cử ứng viên HĐQT:

- Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung: 02 thành viên.
- Số lượng thành viên độc lập HĐQT bầu bổ sung: 01 thành viên.
- Cơ cấu thành viên HĐQT: Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Điều lệ (*Điều lệ được công bố tại Website: www.veamcorp.com*) và khoản 4, khoản 5 Điều 13 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

- Quyền đề cử ứng viên HĐQT: Theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì HĐQT đương nhiệm sẽ đề cử thêm ứng viên.

3. Hồ sơ đề cử ứng viên để bầu vào HĐQT gồm có:

- Đơn xin đề cử thành viên HĐQT (mẫu đơn kèm theo Quy chế bầu cử HĐQT);

- Thông tin ứng viên do ứng viên tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật (mẫu kê khai kèm theo Quy chế bầu cử HĐQT);

- Bản sao chứng thực Hộ khẩu thường trú (hoặc đăng ký tạm trú dài hạn);

- Bản sao chứng thực chứng minh nhân dân/Căn cước công dân;

- Bản sao các văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

4. Thời hạn và địa chỉ gửi hồ sơ đề cử:

Hồ sơ đề cử ứng viên xin gửi về Ban tổ chức Đại hội *trước 16h00 ngày 25 tháng 6 năm 2020*, theo địa chỉ sau:

- Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

- Địa chỉ: Lô D, Khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội.

- Số điện thoại: (024). 6280.0802 (máy lẻ 215) - Fax: (024). 6280.0809.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Chuyện



**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ
MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Tên tổ chức/cá nhân:
CMND/CCCD/ĐKKD số: Ngày cấp:
Nơi cấp:
Địa chỉ:
Hiện đang sở hữu/đại diện: cổ phần (*Bằng chữ*:
.....)
Tương ứng với tổng mệnh giá là:

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP cho tôi được đề cử:

Ông (Bà):
CMND/CCCD số: Ngày cấp:
Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn: Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: cổ phần (*Bằng chữ*:
.....)
Tương ứng với tổng mệnh giá là:

Làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2017 - 2022 được bầu trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 ngày 29/6/2020.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2020

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



**ĐƠN ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Tên tổ chức/cá nhân:
CMND/CCCD/ĐKKD số:Ngày cấp:.....
Nơi cấp:.....
Địa chỉ:.....
Hiện đang sở hữu/đại diện: cổ phần (*Bằng chữ*:.....)
Tương ứng với tổng mệnh giá là:.....

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP cho tôi được đề cử:

Ông (Bà):
CMND/CCCD số:Ngày cấp:
Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....
Hiện đang sở hữu: cổ phần (*Bằng chữ*:.....)
Tương ứng với tổng mệnh giá là:.....

Làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2017 - 2022 được bầu trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 ngày 29/6/2020.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2020

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



**ĐƠN ĐỀ CỬ (THEO NHÓM)
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Hôm nay, ngày/6/2020, tại, chúng tôi là những cổ đông của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty, có tên trong Danh sách đính kèm cùng nhất trí đề cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/ĐKKD số:Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ:.....

Hiện đang sở hữu/đại diện: cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là:.....

Làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2017 - 2022 được bầu trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 ngày 29/6/2020.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/ĐKKD số:Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ:.....

Hiện đang sở hữu/đại diện: cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là:.....

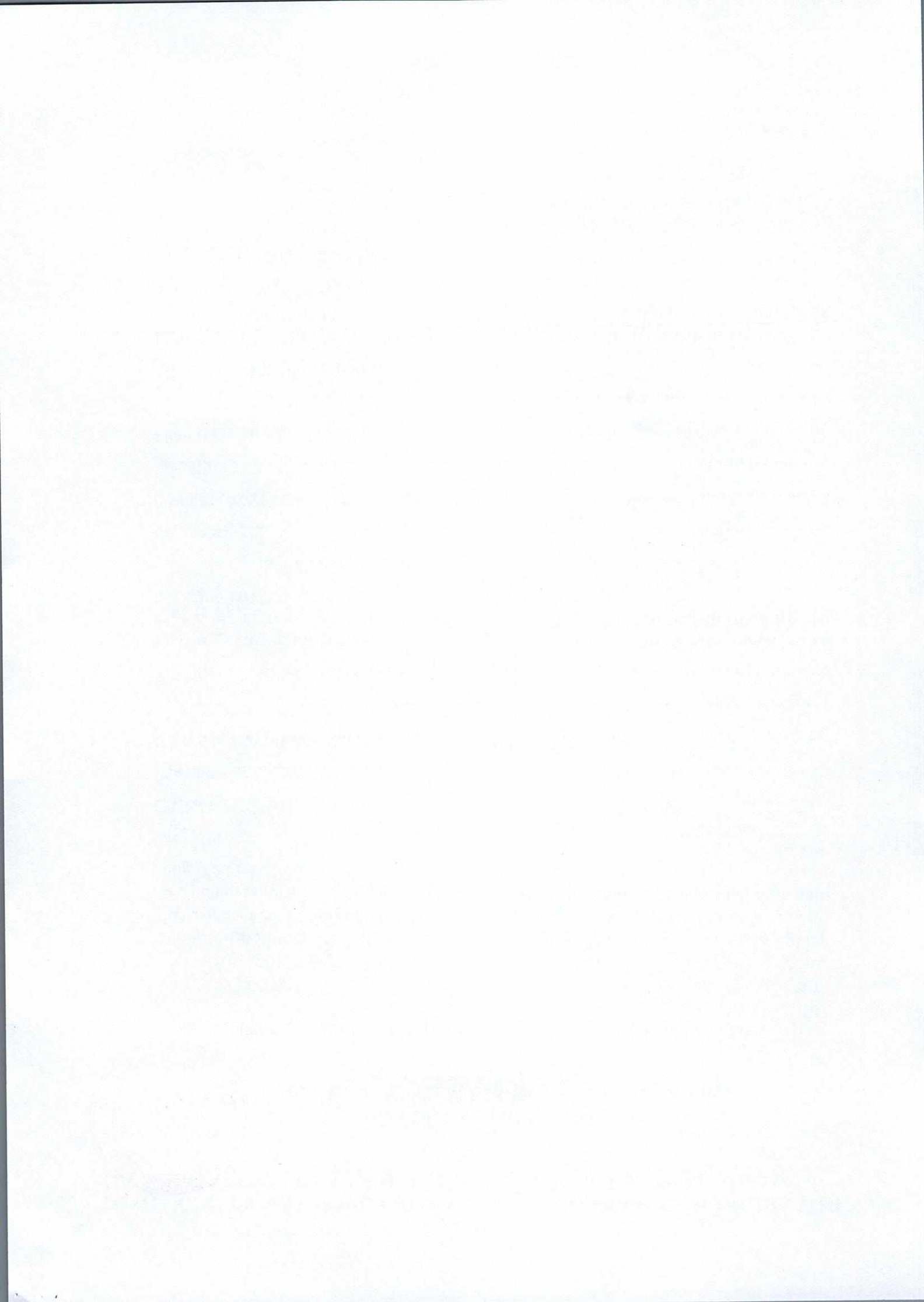
Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2020

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦNG CỬ VIÊN THAM GIA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Hôm nay, ngày/6/2020, tại, chúng tôi là những cổ đông của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty, có tên trong Danh sách đính kèm cùng nhất trí đề cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/ĐKKD số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:.....

Hiện đang sở hữu/đại diện: cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là:.....

Làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2017 - 2022 được bầu trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 ngày 29/6/2020.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/ĐKKD số:Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Hiện đang sở hữu/đại diện: cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là:.....

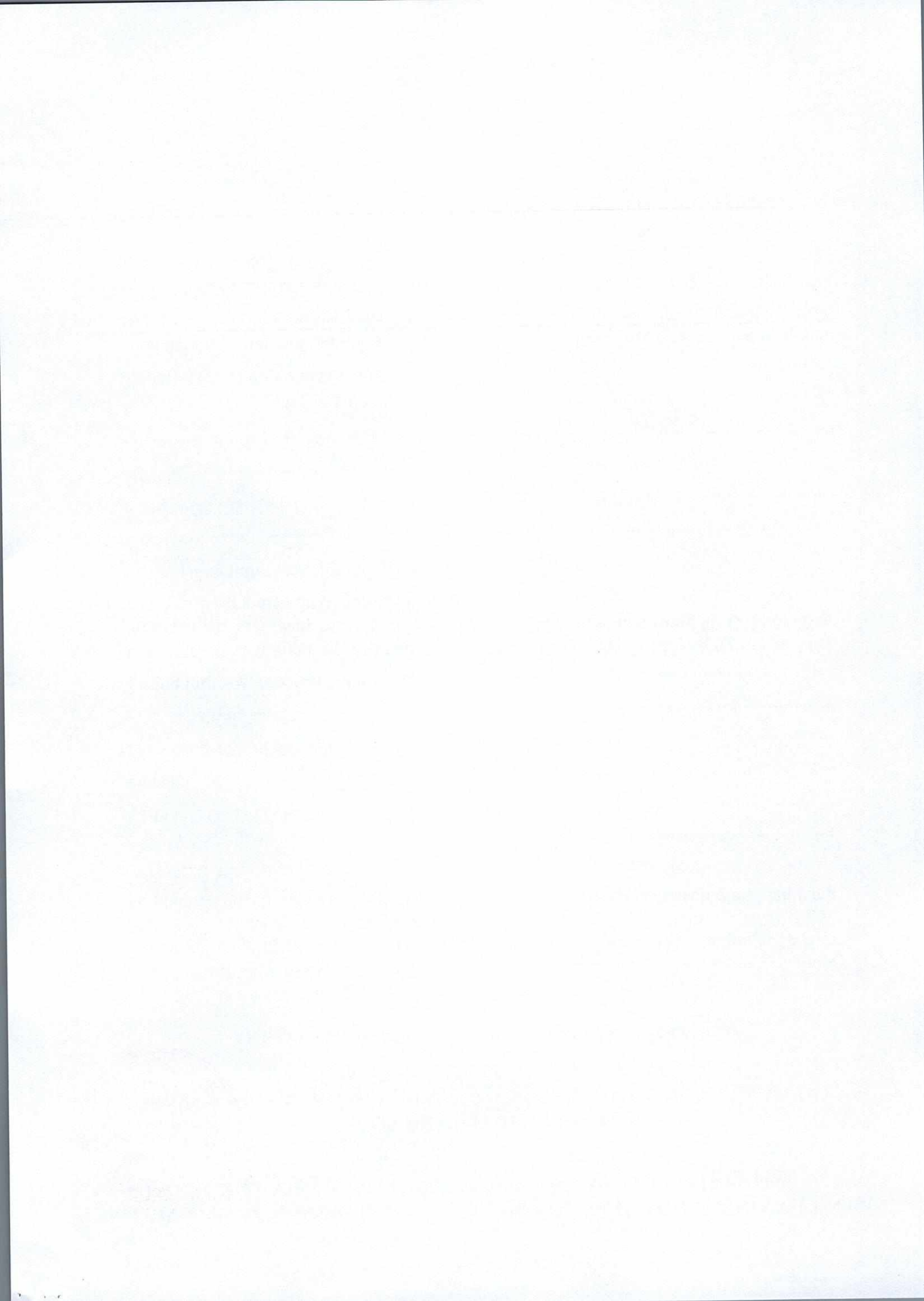
Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2020

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)



THÔNG TIN ỨNG VIÊN

1. Họ và tên:.....; Giới tính:

2. Ngày tháng năm sinh:.....; Nơi sinh:

3. Quốc tịch:

4. CMND/CCCD số:.....: Ngày cấp:.....

tai.....

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

6. Chỗ ở hiện tại:

7. Trình độ học vấn:

8. Trình độ chuyên môn:

9. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn: chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật

10. Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật

11. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm, các công ty đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác:

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
		Từ...../...../..... đến/...../.....
		Từ...../...../..... đến/...../.....
		Từ...../...../..... đến/...../.....

12. Quan hệ thân thân:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố					
Mẹ					
Anh/ chị/ em ruột					
Vợ/ Chồng					
Con					

13. Thông tin liên quan:

13.1. Đánh giá những đóng góp cho VEAM (trường hợp đang là thành viên Hội đồng quản trị VEAM):

13.2. Các lợi ích có liên quan tới VEAM (nếu có):

13.3. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử (nếu có):

13.4. Cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực (nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị):

13.5. Các thông tin khác (nếu có):

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và hợp lý của các thông tin cá nhân nêu trên. Nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực./.

....., ngày tháng 6 năm 2020

ỨNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

QUY CHẾ BẦU CỬ

Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2018;

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2017 - 2022 theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 11 tháng 6 năm 2020).

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

Ứng viên bầu vào HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp 2014. Cụ thể:

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý kinh doanh và không nhất thiết phải là cổ đông của VEAM;

c) Thành viên HĐQT VEAM có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác, nhưng không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá năm (05) công ty khác kể từ ngày 01/8/2019;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT là người đại diện phần vốn của Nhà nước tại VEAM còn phải đáp ứng các điều kiện quy định của pháp luật về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ).

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:



a) Không phải là người đang làm việc cho VEAM, công ty con của VEAM; không phải là người đã từng làm việc cho VEAM, công ty con của VEAM ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ VEAM, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của VEAM; là người quản lý của VEAM hoặc công ty con của VEAM;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của VEAM;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của VEAM ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

Điều 3. Số lượng thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập được bầu bổ sung, quyền đề cử và hồ sơ đề cử ứng viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung: 02 thành viên.

2. Số lượng thành viên HĐQT độc lập được bầu bổ sung: 01 thành viên

3. Quyền đề cử:

- Quyền đề cử ứng viên HĐQT: Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên (theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ VEAM).

- Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm sẽ đề cử thêm ứng viên (nếu cần).

4. Hồ sơ đề cử:

- Đơn xin đề cử thành viên HĐQT (*mẫu kèm theo*);

- Thông tin ứng viên do ứng viên tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật (*mẫu kèm theo*);

- Bản sao chứng thực Hộ khẩu thường trú (hoặc đăng ký tạm trú dài hạn);

- Bản sao chứng thực Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân;

- Bản sao các văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

Dựa trên đơn đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông đề cử ứng viên vào HĐQT của VEAM, Ban tổ chức Đại hội sẽ lập danh sách các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định để đưa vào danh sách ứng viên tham gia bầu vào

thành viên HĐQT và thông qua danh sách tại Đại hội. Danh sách các ứng viên sẽ được lập theo thứ tự ABC theo tên của ứng viên.

Điều 4. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Phiếu bầu được in thống nhất, có ghi tổng số quyền biểu quyết (sở hữu và được ủy quyền).

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu HĐQT khi đăng ký tham dự Đại hội.

- Trường hợp ghi sai, Cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác hoặc điều chỉnh cho phù hợp.

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu.

2. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không theo mẫu quy định của VEAM, không có dấu của VEAM.

- Phiếu gạch xoá, sửa chữa mà không có chữ ký nháy của cổ đông bên cạnh.

- Phiếu ghi thêm hoặc ghi tên ứng viên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã công bố trước khi tiến hành bỏ phiếu.

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

Điều 5. Phương thức bầu cử

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện bỏ phiếu theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.

3. Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một, một số hoặc tất cả các ứng cử viên.

Điều 6. Ban Kiểm phiếu và bầu cử, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu và bầu cử

- Ban Kiểm phiếu và bầu cử do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Ban Kiểm phiếu và bầu cử có trách nhiệm:

- + Thông qua Quy chế bầu cử;

- + Giới thiệu phiếu bầu;

- + Tiến hành kiểm phiếu;

- + Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

03866
ÔNG T
G LƯC
G NGH
'NAM
CP
10 H P

- Thành viên Ban Kiểm phiếu và bầu cử không được có tên trong danh sách đề cử vào HĐQT.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu và bầu cử tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi Ban kiểm phiếu và bầu cử tuyên bố nhận phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu và bầu cử công bố trước Đại hội.

Điều 7. Nguyên tắc bầu dồn phiếu, nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT

1. Nguyên tắc bầu dồn phiếu: Sẽ được Ban Kiểm phiếu và bầu cử hướng dẫn tại Đại hội (*Phụ lục hướng dẫn bầu cử kèm theo*).

2. Nguyên tắc trúng cử:

- Số lượng ứng viên được bầu vào HĐQT là 03 người (02 thành viên HĐQT, 01 thành viên HĐQT độc lập);

- Ứng cử viên trúng cử thành viên HĐQT là các ứng viên có số phiếu bầu cao nhất theo thứ tự từ cao xuống thấp;

- Trường hợp các ứng cử viên đạt tỷ lệ % số phiếu bầu ngang nhau thì người nào sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu cũng ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng cử viên này để chọn.

Điều 8. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu và bầu cử phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trắng; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT.

2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 9. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Quy chế này gồm 09 điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Chuyện

PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN BẦU HĐQT

(Theo phương thức bầu dồn phiếu)

1. Loại phiếu bầu:

- Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị.

2. Bỏ phiếu:

- Bỏ phiếu bầu HĐQT vào thùng phiếu.

3. Ghi phiếu bầu:

- Mỗi cổ đông có tổng số quyền được biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT. (Số thành viên được bầu do Đại hội quyết định)

- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu biểu quyết cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng tổng số phiếu đã biểu quyết cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu được biểu quyết.

Ví dụ:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 3 thành viên HĐQT trong tổng số 4 ứng viên. Quý cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$(1.000 \times 3) = 3.000$ phiếu bầu.

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

Trường hợp 1: Cổ đông dồn hết số phiếu bầu cho 1 ứng viên

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu được bầu
1. Ứng viên 1	3.000
2. Ứng viên 2	0
3. Ứng viên 3	0
4. Ứng viên 4	0
Tổng số phiếu bầu	3.000

Trường hợp 2: Cổ đông chia số phiếu bầu cho một số ứng viên

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu được bầu
1. Ứng viên 1	1.000
2. Ứng viên 2	1.000
3. Ứng viên 3	1.000
4. Ứng viên 4	0
Tổng số phiếu bầu	3.000

Hoặc

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu được bầu
1. Ứng viên 1	2.000
2. Ứng viên 2	1.000
3. Ứng viên 3	0
4. Ứng viên 4	0
Tổng số phiếu bầu	3.000

4. Phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu có tổng số phiếu đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số phiếu được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu được bầu
1. Ứng viên 1	1.000
2. Ứng viên 2	1.000
3. Ứng viên 3	1.000
4. Ứng viên 4	1.000
Tổng số phiếu bầu	4.000

- Các trường hợp khác quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế bầu cử.

- ✓ Phiếu không theo mẫu quy định của Tổng công ty, không có dấu của Tổng công ty;
 - ✓ Phiếu gạch xóa, sửa chữa mà không có chữ ký nháy của cổ đông bên cạnh;
 - ✓ Phiếu ghi thêm hoặc ghi tên ứng viên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã công bố trước khi tiến hành bỏ phiếu;
 - ✓ Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).
-



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM - CTCP (VEAM)

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Cổ đông/Đại diện cổ đông:

Số cổ phần sở hữu/đại diện:.....**cổ phần**

Nội dung biểu quyết:

1) Thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của VEAM theo Tờ trình số 466/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Ý kiến khác ☐

2) Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Tờ trình số 467/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Ý kiến khác ☐

3) Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Ý kiến khác ☐

4) Thông qua Báo cáo số 468/BC-HĐQT ngày 18/6/2020 về kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Hội đồng quản trị VEAM

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Ý kiến khác ☐

5) Thông qua Báo cáo số 04/BC-BKS ngày 18/6/2020 của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên 2020

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Ý kiến khác ☐

6) Thông qua Báo cáo tài chính (Công ty mẹ và báo cáo hợp nhất) năm 2019 đã được kiểm toán theo Tờ trình số 469/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Ý kiến khác ☐

7) Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Tờ trình số 353/TTr-HĐQT ngày 14/5/2020

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Ý kiến khác ☐

8) Thông qua việc phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và thông qua kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2020, Quỹ khen thưởng của HĐQT và Ban kiểm soát theo Tờ trình số 470/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Ý kiến khác ☐

9) Thông qua niêm yết cổ phiếu VEAM theo Tờ trình số 471/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020

Tán thành ☐

Không tán thành ☐

Ý kiến khác ☐

10) Thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 theo Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 18/6/2020

Tán thành ☐

Không tán thành ☐

Ý kiến khác ☐

(Cổ đông biểu quyết nội dung nào thì tích dấu ☒ vào ô tương ứng với ý kiến lựa chọn)

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

Chữ ký của cổ đông



DỰ THẢO

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

I. Thông tin chung về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Tổng công ty Máy nông nghiệp và Máy động lực Việt Nam - CTCP (VEAM).
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Mã số doanh nghiệp: 0100103866 (*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 06/10/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 16/4/2020*).

II. Thời gian, địa điểm tổ chức đại hội

- Thời gian: Từ 08h00 ngày 29 tháng 6 năm 2020
- Địa điểm: Khách sạn InterContinental Hanoi Westlake, số 05 Từ Hoa, Tây Hồ, Hà Nội.

III. Thành phần tham dự

- Hội đồng quản trị (HĐQT).
- Ban Tổng giám đốc.
- Ban Kiểm soát.
- Các cổ đông và người đại diện ủy quyền của cổ đông VEAM (*theo danh sách cổ đông chốt tại thời điểm ngày 11/6/2020*).
- Các đại biểu khách mời tham dự Đại hội.

IV. Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội đã được Chủ tịch HĐQT báo cáo và được Đại hội nhất trí thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết. Cụ thể như sau:

1. Đoàn Chủ tịch:

- Ông Bùi Quang Chuyện, Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban tổ chức Đại hội - Chủ tọa;
- Ông Nguyễn Khắc Hải, Quyền Tổng giám đốc - Thành viên;
- Ông Ngô Văn Tuyền, Thành viên HĐQT;
- Bà Nguyễn Thị Nga, Thành viên HĐQT;

- Bà Vũ Thị Hồng Hạnh, Trưởng Ban kiểm soát - Thành viên.

2. Ban Thư ký:

- Ông Nguyễn Đức Trọng, Phó Chánh Văn phòng HĐQT - Trưởng ban;

- Bà Nguyễn Thị Phương Lan, Phó Chánh Văn phòng HĐQT - Thành viên.

3. Ban Kiểm phiếu và bầu cử:

- Ông Mai Mạnh Dũng, Chủ tịch Công đoàn VEAM - Trưởng Ban;

- Bà Lê Thị Thanh Bình, Kiểm soát viên - Thành viên;

- Bà Nguyễn Thị Diên, Kiểm soát viên - Thành viên;

- Ông Nguyễn Việt Hưng, Phó Chánh VPTH - Thành viên;

- Ông Nguyễn Thanh Hải, Phó trưởng phòng Pháp chế - Thành viên;

- Bà Nguyễn Thị Thanh Tú, Chuyên viên Văn phòng HĐQT - Thành viên;

- Bà Bùi Thị Hải Lý, Chuyên viên Phòng NS-TL - Thành viên;

- Ông Trần Trung Hiếu, Chuyên viên Phòng KTTC - Thành viên;

- Ông Trần Đình Dũng, Trưởng phòng tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (đơn vị tư vấn) - Thành viên.

V. Điều kiện tiến hành Đại hội

Bà Đoàn Thị Yến, Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, tại thời điểm khai mạc (08h00) với cơ cấu cổ đông như sau:

Số lượng cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội là cổ đông, đại diện cho cổ phần, chiếm % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trong đó:

+ Số cổ đông tham dự trực tiếp là cổ đông, đại diện cho cổ phần, chiếm % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

+ Số cổ đông ủy quyền là cổ đông, đại diện cho cổ phần, chiếm % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

(Có Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo)

Theo quy định của pháp luật, Đại hội đủ điều kiện tiến hành.

VI. Nội dung Đại hội

1. Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu và bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, cụ thể là:

- Đối với thành phần Đoàn Chủ tịch:

+ Số phiếu biểu quyết đồng ý: phiếu, tương ứng với cổ phần, chiếm tỷ lệ % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;

+ Số phiếu biểu quyết không đồng ý: phiếu, tương ứng với cổ phần, chiếm tỷ lệ %;

+ Số phiếu biểu quyết ý kiến khác: phiếu, tương ứng với cổ phần, chiếm tỷ lệ %.

- Đối với thành phần Ban thư ký, Ban kiểm phiếu và bầu cử với tỷ lệ % cổ đông có mặt tán thành.

2. Nội dung chương trình của Đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ % cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

3. Quy chế tổ chức Đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ % cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

4. Ông Nguyễn Khắc Hải, Quyền Tổng giám đốc báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020.

5. Ông Bùi Quang Chuyện, Chủ tịch HĐQT báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của HĐQT.

6. Bà Vũ Thị Hồng Hạnh, Trưởng Ban kiểm soát Báo cáo của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên 2020.

7. Các tờ trình được trình bày tại Đại hội:

- Tờ trình số 466/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của VEAM (ông trình bày);

- Tờ trình số 467/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020 về việc thông qua Quy chế nội bộ quản trị công ty của VEAM (ông trình bày);

- Tờ trình số 469/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020 về việc thông qua các Báo cáo tài chính năm 2019 (ông trình bày);

- Tờ trình số 353/TTr-HĐQT ngày 14/5/2020 về việc phân phối lợi nhuận năm 2019 (ông trình bày);

- Tờ trình số 470/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020 về việc phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và thông qua kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2020, Quỹ khen thưởng của HĐQT và Ban Kiểm soát (ông trình bày);

- Tờ trình số 471/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020 về việc niêm yết cổ phiếu VEAM (ông trình bày);

- Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 18/6/2020 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 (bà trình bày);

- Tờ trình số 472/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020 về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT (ông trình bày).

- Tờ trình số 473/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020 về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022 (ông trình bày).

8. Miễn nhiệm thành viên HĐQT:

Ông , thành viên HĐQT trình bày trước Đại hội Tờ trình số 472/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020 về việc miễn nhiệm đối với 04 thành viên HĐQT.

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với 04 thành viên HĐQT bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

Ban Kiểm phiếu và bầu cử đã kiểm phiếu và công bố Biên bản biểu quyết miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với 04 thành viên HĐQT.

Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều lệ VEAM và Biên bản biểu quyết, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với đối với 04 thành viên HĐQT.

(Có Biên bản biểu quyết miễn nhiệm thành viên HĐQT kèm theo)

9. Bầu cử bổ sung thành HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022:

Trên cơ sở Tờ trình số 473/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020 nêu trên, ông Mai Mạnh Dũng, Trưởng Ban kiểm phiếu và bầu cử đã thực hiện các thủ tục để hướng dẫn Đại hội tiến hành bầu cử bổ sung thành viên HĐQT:

- Đại hội đã thông qua Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022 gồm 02 thành viên HĐQT và 01 thành viên độc lập HĐQT bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết. Trong đó:

+ Số phiếu biểu quyết đồng ý: phiếu, tương ứng với cổ phần, chiếm tỷ lệ % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;

+ Số phiếu biểu quyết không đồng ý: phiếu, tương ứng với cổ phần, chiếm tỷ lệ %;

+ Số phiếu biểu quyết ý kiến khác: phiếu, tương ứng với cổ phần, chiếm tỷ lệ %.

- Đại hội đã thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết. Trong đó:

+ Số phiếu biểu quyết đồng ý: phiếu, tương ứng với cổ phần, chiếm tỷ lệ % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;

+ Số phiếu biểu quyết không đồng ý: phiếu, tương ứng với cổ phần, chiếm tỷ lệ %;

+ Số phiếu biểu quyết ý kiến khác: phiếu, tương ứng với cổ phần, chiếm tỷ lệ %.

- Đại hội đã thông qua danh sách ứng viên gồm các ông để bầu bổ sung vào HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022 bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết. Trong đó:

+ Số phiếu biểu quyết đồng ý: phiếu, tương ứng với cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;

+ Số phiếu biểu quyết không đồng ý: phiếu, tương ứng với cổ phần, chiếm tỷ lệ%;

+ Số phiếu biểu quyết ý kiến khác: phiếu, tương ứng với cổ phần, chiếm tỷ lệ%.

- Đại hội tiến hành bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022: Ban kiểm phiếu và bầu cử hướng dẫn chi tiết các cổ đông cách thức ghi phiếu bầu cử và bỏ phiếu bầu để thực hiện bầu cử.

10. Thảo luận tại Đại hội

Chủ tọa mời các cổ đông tham gia ý kiến góp ý đối với các báo cáo và tờ trình tại Đại hội. Các cổ đông đã gửi ý kiến góp ý đề nghị Đoàn Chủ tịch Đại hội làm rõ các nội dung liên quan. Theo đó, các cổ đông đã đặt câu hỏi và nêu ý kiến đối với các nhóm vấn đề liên quan về:

a) Cổ đông

Hỏi:

Ông Bùi Quang Chuyện trả lời:

.....

Hỏi:

Ông Bùi Quang Chuyện trả lời:

.....

b) Cổ đông

Hỏi:

Ông trả lời:

.....

c) Cổ đông

Hỏi:

Ông:

.....

11. Công bố kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022

- Ban kiểm phiếu và bầu cử công bố kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022.

Theo đó:

Ông: được bầu với số lượng phiếu bầu làcổ phần, tương ứng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Ông: được bầu với số lượng phiếu bầu làcổ phần, tương ứng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Ông: được bầu với số lượng phiếu bầu làcổ phần, tương ứng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

- Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ VEAM, các ông đã trúng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022.

(Biên bản kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022 kèm theo)

12. Sau khi thảo luận, Đại hội đã biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình bằng hình thức phiếu biểu quyết với kết quả tán thành đối với các nội dung biểu quyết như sau:

STT	Nội dung được thông qua	Tỷ lệ tán thành
1	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020	 %
2	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của HĐQT VEAM	 %
3	Báo cáo của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên 2020	 %
4	Tờ trình số 466/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của VEAM	 %
5	Tờ trình số 467/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020 về việc thông qua Quy chế nội bộ quản trị công ty của VEAM	 %
6	Tờ trình số 469/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020 về việc thông qua các Báo cáo tài chính năm 2019	 %
7	Tờ trình số 353/TTr-HĐQT ngày 14/5/2020 về việc phân phối lợi nhuận năm 2019	 %
8	Tờ trình số 470/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020 về việc phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và thông qua kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2020, Quỹ khen thưởng của HĐQT và Ban Kiểm soát	 %
9	Tờ trình số 471/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020 về việc niêm yết cổ phiếu VEAM	 %
10	Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 18/6/2020 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020	 %
11	Tờ trình số 472/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020 về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT	 %
12	Tờ trình số 473/TTr-HĐQT ngày 18/6/2020 về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022	 %

(có Biên bản kiểm phiếu biểu quyết các nội dung nêu trên kèm theo)

VII. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền để HĐQT rà soát và hiệu chỉnh các lỗi chính tả, kỹ thuật trình bày, lỗi số học... trong các tài liệu của Đại hội để đảm bảo tính thống nhất và đúng các quy định hiện hành trước khi ban hành áp dụng.

Trưởng ban Thư ký Đại hội đã đọc toàn văn Biên bản đại hội, Nghị quyết đại hội và được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội tán thành bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

Biên bản Đại hội gồm ~~chín~~(9) trang, được lập thành ba (03) bản, lưu Hồ sơ văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 một (01) bản, lưu Văn thư một (01) bản, lưu Ban Thư ký Đại hội một (01) bản.

Biên bản và nghị quyết của Đại hội được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin, trong đó có đăng tải trên trang thông tin điện tử của VEAM (veamcorp.com) để thông báo đến toàn thể cổ đông.

Đại hội kết thúc vào hồi 12 giờ 00 phút cùng ngày./.

**TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nguyễn Đức Trọng

Bùi Quang Chuyền





**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ
MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP ngày 29/6/2020,

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP đã quyết nghị những nội dung sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo tài chính và Phân phối lợi nhuận năm 2019

1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch năm 2020 (*nội dung báo cáo theo tài liệu Đại hội*).

2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và Kế hoạch năm 2020 của Hội đồng quản trị (*nội dung báo cáo theo tài liệu Đại hội*).

3. Thông qua soát Báo cáo của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên 2020 (*nội dung báo cáo theo tài liệu Đại hội*).

4. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của VEAM.

5. Thông qua thông qua Quy chế nội bộ quản trị công ty của VEAM.

6. Thông qua các Báo cáo tài chính năm 2019 (*nội dung các Báo cáo tài chính đã được công bố thông tin*).

7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

7.1. Nội dung phân phối lợi nhuận:

Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1. Lợi nhuận sau thuế	
2. Lợi nhuận phân phối	
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi NLD	



- Quỹ thưởng người quản lý	
- Chia cổ tức	
- Cổ tức 01 cổ phiếu	
3. Lợi nhuận để lại	

Cổ tức được chi trả bằng tiền.

Điều 2. Thông qua các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận năm 2020

Đơn vị tính: tỷ đồng

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	So sánh 2020/2019
1. Doanh thu BH & CCDV	1.314,1	2.141,2	163%
+ Sản xuất công nghiệp	685,4	1.170,6	171%
+ Thương mại, dịch vụ	628,7	970,6	154%
2. Doanh thu tài chính	7.827	7.580	97%
3. Lợi nhuận sau thuế	7.043	6.741	96%
4. Tỷ suất lợi nhuận/cổ phiếu	53%	50,7%	96%

Điều 3. Phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và thông qua kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2020, Quỹ khen thưởng của HĐQT và Ban Kiểm soát

1. Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 là **9,375 tỷ đồng**, bằng 91,2% mức kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2019 thông qua (*chi tiết theo tài liệu Đại hội*).

2. Phê duyệt kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát VEAM năm 2020 là **10,2816 tỷ đồng**.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền để Hội đồng quản trị phân phối quỹ tiền lương, thù lao. Nếu có sự thay đổi về số lượng thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, Kiểm soát viên chuyên trách cũng như thời gian làm việc trong năm, thì quỹ tiền lương, thù lao sẽ được thay đổi tương ứng.

Điều 4. Phê duyệt về việc niêm yết cổ phiếu VEAM

1. Phê duyệt việc thực hiện niêm yết cổ phiếu VEA trên sàn chứng khoán.

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền để Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch và thời điểm niêm yết cụ thể nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 5. Phê duyệt việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

1. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền để Hội đồng quản trị quyết định việc

lựa chọn 01 đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2020 từ danh sách dưới đây:

- a) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte).
- b) Công ty TNHH PWC Việt Nam.
- c) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- d) Công ty TNHH KPMG.
- e) Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).
- g) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.
- h) Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

2. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập căn cứ theo Tờ trình của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông (*chi tiết theo tài liệu Đại hội*).

Điều 6. Phê duyệt kết quả bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Phê duyệt kết quả miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với 04 thành viên HĐQT.

Điều 7. Phê duyệt kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Phê duyệt kết quả bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022 đối với các ông:

1.
2.
3.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm triển khai thi hành Nghị quyết.

2. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm kết thúc Đại hội./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Công bố thông tin;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bùi Quang Chuyên



